

Tử vi Tinh hoa 1

Tham Vũ Thân cung (Mệnh) vi hạ cách (muộn quá)

Tham Vũ Phá quân vô cát diệu, luyến nữ tửu sắc dễ vong thân.

Tham Lang độc cư đa hư thiếu thực

Tham Vũ Tứ Sinh Tứ Mộ cung, Phá quân Kỵ Sát bách công thông.

Tham Kỵ phùng Diêu thủy tai nan miễn.

Tham Lang Liêm trinh đồng độ, nam lãng đấng nữ đa dâm.

Dần Thân nhi ngộ Tham Liêm hội Hữu Xương nhập lao Quản Trọng.

Tham Lang nhập Mệnh khẩn cốt túy si, phân cốt trái thi !

Tham Lang gia Sát đồng cung, nữ thâu hương nam tửu thiết.

Tham Liêm Càn thượng (Hợi), vân lập vô phong, Tuyệt Linh xâm nhập vi nhân bản khổ, nãi phùng Dương Nhận Kiếp Không Hư Mã, chung Thân phi yếu tắc cô bản.

Tham Lang hội Sát vô Cát diệu, đồ tể chi nhân.

Tham lam hội Dương Đà cư Hợi Tý, danh vi phiếm thủy Đào Hoa.

Tham lang Đà la tại Dần cung, phong lưu thái trượng, phong lưu thái kỷ (!)

Tham Lang Hỏa Linh Tứ Mộ, hào phú gia tư, Hầu Bá chi quý.

Tham Lang Hỏa Linh cư Miếu Vượng, danh chấn chư bang.

Tham Linh tịnh thủ, Tướng Tướng chi danh.

Tham lang kỵ ngộ Sát tinh hoặc xâm Không Kiếp, văn niên phúc thọ khôn toàn (về già thì xuống).

Tham tọa Thủy cung, giáp biên Tứ Sát, bản khổ chung thân.

Tham Lang cư Thê giá thú nghi cầu trưởng nữ.

Tham Lang cư Hợi Tý hạnh, phùng quyền vượng biên hư thành thực, ư Giáp Kỷ Tuất, phú danh viên mãn.

Tham tú nhi phùng Hóa Kỵ, đạo ngoại hành thương (tai nạn dọc đường). Tham Liêm đồng vị, nam đạo nữ dâm.

Tham cư Đoài Chấn (Dậu Mão) thoát tục vi tăng, Kỵ Kiếp lai xâm, trần hoàn đa trái (còn nợ trần, phá giết).

Tham Lang gia cát ngộ Trùng Sinh, thọ như Bành Tổ.

Tham Đào tại nhân cung, nữ Mệnh độc phụ chi nhân, ngộ Tuần Triệt, tâm tình thư thái.

Tham Lang cư Tý, tửu thiết vô nghi, ngộ Tuần Triệt, phản vi đoan chính.

Tham Vũ đồng hành, hạnh phùng Mộ tinh, tứ đại hiển vinh.

Tham Đào giải ách nhi ngộ Linh Diêu, lãnh hoàn chi bệnh.

Tử vi Tinh hoa 1

Tham Sát Ngọ Dần nhi ngộ Hổ Tang, lời thú nan đề.

Mệnh Tham Liêm Sát Phá, tu phùng Tử Phủ Vũ Tướng lưu niên.

Tham Đà Dần vị, Hình trượng nan đào.

Tham Lang chiếu Phu cung, Mệnh hữu chính tắc đích vô chính tắc thiếp (có chính tinh là vợ lớn, không có làm bé).

Tý Ngọ Tham Đào Ất Kỷ Âm nam lập nghiệp do Thê kiếm phùng Sát diệu, hành sự do thê (số nhờ vợ).

Tham Lang Hóa Lộc cư Tứ Mộ, gia cát diệu, trung bình chi cách.

Tham Lang đồng Xương Khúc ư Sửu Mùi, đầu hà chi hoạn.

Tham Lang Tý Ngọ Mão Dậu, đạo thiết chi bối.

14) Thái Âm

Bắc đẩu - Âm Thủy

Phú tinh - Tài tinh

Chủ: Điền tài, Phúc Thọ

Miếu vượng: Hợi Tý Tuất

Đắc địa: Mùi Sửu Dần Thân Dậu

Hãm địa: Mão Thìn Tỵ Ngọ

Thủ Mệnh thì dáng cao mặt tròn, da xám, xinh tươi, đài các.

Tính nhân hậu, thông minh, cởi mở, mau mắn, hòa nhã, phóng khoáng đa tình, ưa văn nghệ.

Bệnh về con mắt, khí huyết, phù thũng, thận.

Ở cung Điền Trạch là hợp vị nhất.

Cần gặp Đào Hồng Hỷ xa lánh Diêu Đà Ky.

Nữ Mệnh hãm địa gặp Đà la Ác Sát thì loạn dâm.

Hãm địa thì lười biếng nhưng suốt đời no đủ.

Dù đắc địa mà gặp Hình Kinh Ky thì cũng kém mắt.

Cùng Thiên đồng ở Tý thì công danh tốt bực.

Biểu tượng là mẹ, mắt trái.

Hợp với Văn Khúc. Có tên là Quế Trì.

Sợ Kinh Đà Liêm Sát Tang Hổ.

Hãm hay gặp Tuần Triệt thì khác mẹ.

Tử vi Tinh hoa 1

Cư Hợi gặp Xương Khúc Quyền Kỵ thì rất tốt.

Cung Thê gia Cát tinh thì làm Phò Mã.

Thường gọi là Nguyệt. Các cách khác cũng như Thái Dương.

Phú đoán:

Thái Âm chủ nhất thân chi khoái lạc.

Nguyệt lãng Thiên môn cư Hợi địa, đặng vân chấp chướng đại quyền.

Nguyệt lãng Thiên môn, tiến, tước phong hầu.

Thái Âm cư Tý, hiệu viết: thủy đặng (tuồng) quế ngọc, tặc thanh yếu chi chức, trung gián chi tài.

Nguyệt diệu Thiên Lương nữ dâm bản.

Thái Âm Vũ Khúc Lộc Tồn đồng, Tả Hữu tương phùng phú quý ông.

Âm Dương Xương Khúc, phú quý vinh hoa.

Thanh kỳ ngọc thổ (Nguyệt) tuy lạc hãm nhi bất bản.

Lưu Bang cam nhập Bao Trung do hữu Âm Dương giao huy La Võng, Kiếp Không Dương nhận hạn đảo.

Nguyệt phùng Đà Kỵ Hồ Tang, thanh mẫu trần trái nan toàn thọ Mệnh (hạn tốt).

Nguyệt hãm Dương Đà, nhân ly tài tán.

Nguyệt Vũ Lộc phùng Tả Hữu, Mệnh tiền tài định phú gia ông.

Nữ Mệnh Kỵ Nguyệt ngộ Đà la.

Âm Dương lạc hãm gia Hình Kỵ, Phu Thê ly biệt

Nhật Nguyệt chiếu hư không học nhất tri thập.

Nguyệt tàng Dần vị, tái sự hữu thủy vô chung.

B) 38 Trung tinh (Sao đầu vòng và Bộ Âm Dương)

15) Trạng Sinh

Quý tinh - Chủ phúc thọ - Dương Thủy

Thuộc về Sinh Khí và Thịnh Vượng

Trạng sinh và vòng sao ấy chỉ về độ thịnh suy của Hành khí Cục số, nghĩa là của các chính tinh vì chính tinh an theo Cục số.

Danh giá và thọ nhất là gặp Tham Lang.

Tốt nhất là gặp Mã Tuế Tồn. Ở Mệnh Thân Phúc là hợp vị.

Tử vi Tinh hoa 1

Phù trì và cứu giải cho các chính tinh đắc hãm.

Được gọi là sinh địa của các Hành khí, chỉ ở 4 góc nên gọi 4 góc là Tứ Sinh.

Mệnh đóng ở Tuyệt địa là cung có sao Tuyệt thuộc vòng Hành khí bản Mệnh mà gặp được Tràng sinh (của Cục số) là cách " Tuyệt xứ phùng sinh". Các sách ghi cung Hợi là Tuyệt địa gặp Tràng sinh... là không đúng lý.

Gặp Mã thì hanh thông vì Mã là Hành khí của tam hợp Cục tuổi, 2 Hành khí gặp nhau nên tốt, gặp Lộc Tồn cũng vậy vì Tồn thuộc Hành khí niên can (đều là đầu vòng).

Gặp Tham thì thọ vì Tham chủ thọ.

Ở cung tật thì có bệnh lâu ngày.

Phú đoán:

Tràng sinh Đế Vượng tại Tử cung, Lộc Quyền chiếu củng đa sinh quý tử. Tràng Sinh Đế Vượng đa nhân (cung phúc).

Tràng sinh tại Hợi, tuyệt xứ phùng sinh (!) nhi, phùng Thiên Mã, lộ đồ bồn tẩu. Tràng Sinh Đế Vượng, quảng đại chi nhân.

Tràng sinh hội Thiên Cơ ư Phúc địa, thân thượng hữu kỳ tài.

16) Mộc dục

Bại tinh. Phóng đãng tinh. Thủy

Chủ: tắm gội, làm dáng, non nớt, văn vẻ.

Có nghĩa là tắm gội chải chuốt trau dồi sắc đẹp...

Tượng là cái bồn tắm vì non nớt nên dễ hư hỏng. Vậy nên gọi là Bại địa của cung Mệnh.

Hợp với Văn Khúc là sao văn vẻ.

Ở cung Tật thì bệnh tê thấp, gặp Hỏa Linh thì phải bỏng.

Gặp Cát tinh thì phong lưu nhàn hạ.

Gặp Đồng Lương Xương thì phong lưu lắm.

Làm cho chính tinh bị non yếu bên trong, đẹp đẽ bên ngoài.

Gặp Thanh Long là rồng tắm nước, tốt.

Gặp Đào Hồng thì văn vẻ, nếu có sao Sát Diêu Cái thì lãng mạn.

Chỉ ở Tý Ngọ Mão Dậu nên cũng gọi 4 cung này là tứ Bại (có bại mới có vượng.)

Phú đoán:

Mộc dục Hoa Cái, đa dâm.

Tử vi Tinh hoa 1

Mộc đục liệt thủ, chỉ hiếu dã dung (có nghĩa là chỉ chăm lo dung mạo, có sách ghi là làm nghề thợ rèn, vì chữ dung cũng có nghĩa là nghề đúc rèn, thật sai).

Âm Dương phản bội (hãm) thừa Mộc đục dờ thanh quang.

Văn tức võ như Mộc đục (không gì hơn).

17) Quan đới

Quý tinh. Chủ quan trường. Thủy đới Kim.

Chỉ về thời đội mũ thất đại lưng, sắp trường thành.

Tượng là sợi dây ràng buộc. Ở Quan lộc là hợp vị.

Hợp với Văn Xương là có tài năng. Phù trì cho chính tinh.

Gặp Quan đới thì hiên ngang khí trường, thẳng quan.

Chủ về quyền chức cận đại mũ mãng

Chỉ ở Thìn Tuất, Sửu Mùi.

Phú đoán:

Thanh Long Quan đới, hiên ngang lẫm miếu.

18) Lâm quan

Quý tinh. Chủ công danh tài lộc. Kim.

Đây là Quan Lộc vị của Hành khí bản Mệnh, đã trường thành đi làm quan và hưởng lộc.

Chủ về quyền quý phú túc. Phù trì các chính tinh.

Gặp Lộc Tồn là hợp cách. Hợp với Vũ Khúc là sao Tài.

Tượng là cái cổ, thủ Mệnh thì cổ cao.

Hay làm điệu bộ kiêu cách khoe khoang.

Lòng dạ rộng rãi, nhân hậu. Chỉ ở Dần Thân Ty Hợi.

Phú đoán:

Vũ từ bất nhược Lâm Quan (không nên thiếu).

Lâm Quan đồng văn điệu, vi y cảm nhạ thiên hương.

19) Đế Vương

Quý tinh. Chủ Thịnh Vương Thọ. Kim đới Thủy.

Chỉ về thời cực thịnh của Hành khí (Vượng địa).

Tử vi Tinh hoa 1

Đã trưởng thành đi giáp ma, ờ phúc là hợp vị.
Tượng là cái lưng, sự vững chắc, trụ cột.
Gặp Tử vi là cách "Lưỡng Đế" có tài lãnh đạo.
Thú Mệnh thì đáng đáp uy nghi đường vệ.
Gia tăng phúc thọ, lợi công danh, giải tai họa.
Gia tăng tài lộc con cái. Hợp với Vũ Khúc.
Chỉ về thời thịnh đạt và sự từ thiện của các chính tinh.
Chỉ ở Tý Ngọ Mão Dậu nên gọi 4 cung này là Tứ Vượng.

Phú đoán:

Đế Vượng Tràng Sinh, duy tâm hiếu thiện.

20) Suy

Bại tinh. Chủ suy bại sa sút. Kim đới Hỏa.
Chỉ về thời kỳ đi xuống của Hành khí và chính tinh.
Gặp Cự môn là đắc cách. Gặp Đà Kỵ Linh Hỏa thì tù.
Gặp Không Kiếp lại thông minh, thêm Cơ và Sát tinh thì có ngón "diệu thủ" (móc túi).
Gặp Tử Phủ thì đỡ xấu vì cùng là sắc tía.
Là sắc tía, tượng các huy hiệu và hồ tử của các bộ triều phục, gặp Cát tinh lại tốt, gia quan tiến lộc.
Chỉ ở Thìn Tuất Sửu Mùi nên cũng gọi 4 cung này là Tứ Suy.

Phú đoán:

Suy bệnh thân trung, ủy nhược (mềm yếu)

21) Bệnh

Bại tinh. Chủ thay đổi. Kim đới Hỏa.
Chỉ về bệnh tật hình thương nếu gặp sao Sát.
Chỉ giai đoạn đổi thay từ mạnh qua yếu của Hành khí.
Nếu gặp sao tốt thì có sự thay đổi tốt.
Ứng hợp với Liêm Trinh là sao hoạt động.
Gặp Kinh Đà Diêu Kỵ thì hay đau ốm.
Chỉ ở 4 góc, nơi ở của Thiên Mã.

Tử vi Tinh hoa 1

Phú đoán:

Hổ Tang Diêu Bệnh vị chi tứ hung

22) Tử

Bại tinh. Chủ sự biến hóa. Hỏa.

Thời kỳ tê liệt và biến hóa của Hành khí và chính tinh.

Ứng hợp với Liêm Trinh. Gặp Thiên không lại tăng thọ.

Ờ Điền Tài gặp Ky lại giữ được của.

Gặp sao tốt thì biến tốt, gặp sao xấu thì biến xấu.

Chỉ ở Tý Ngọ Mão Dậu.

Phú đoán:

Tử Không thân thượng trường sinh

23) Mộ

Cát tinh. Chủ sự thận trọng, quật khởi. Thổ.

Chỉ về thời muộn mản, tuổi già của Hành khí và chính tinh.

Cùng Tham Vũ Quyền thì phú quý.

Ở cung phúc thì có mồ mả kết phát.

Ứng hợp với Thai tọa, Phá quân, Xương Khúc.

Gặp Sát là sự che khuất, mờ mịt, khờ khạo.

Ờ nữ Mệnh là người đảm đang, được chồng tin cậy.

Ờ nam Mệnh thì kém thông minh.

Chỉ ở Thìn Tuất Sửu Mùi nên gọi 4 cung này là Tứ Mộ.

Phú đoán:

Mộ trung thù tọa. Mộ tế thông minh (che lấp).

Mộ tinh ngộ Nhật, Thân phụ nan toàn.

Nữ Mệnh thủ mộ, tất đắc phụ ủy nhiệm trách thành.

24) Tuyệt

Bại tinh. Chủ sự bế tắc cuối cùng. Hỏa đới Thổ.

Chỉ thời kỳ Tuyệt khí của Hành khí và các chính tinh.

Tử vi Tinh hoa 1

Ở cung Thân thì tốt hơn cả. Gọi là Tuyệt địa của cung Mệnh.

Gặp Hỏa Linh ở Ly, hoặc Tứ Không thì thông minh, chí khí.

Giảm thọ nhưng đa mưu túc trí.

Hỗ trợ cho các sao Hóa vì tuyệt cái này thì hóa cái khác.

Gặp Hóa Lộc thì phát phúc, thông minh, chí khí.

Đi với Vũ Phá thì cha con bất hòa.

Chỉ sự hiếm hoi bất hòa, không nên ở từ tức.

Chỉ ở 4 góc nên cũng gọi Tứ Tuyệt. Có Tuyệt mới có sinh.

Phú đoán:

Tuyệt phùng Hóa diệu tại Hợi cung, nhi ngũ Tham Hình, Mệnh danh xu thế.

Tuyệt Hỏa địa hiên ngang chí khí (Ty)

25) Thai

Bại tinh. Chủ thai nghén. Thở.

Chỉ thời kỳ phục hồi của Hành khí và chính tinh.

Dễ bị mê hoặc phỉnh nịnh. Gặp Tứ Sát thì kém thông minh.

Gặp Đào Diêu thì hoang tàn. Chỉ ở Tý Ngọ Mão Dậu.

Gặp Thanh Long Thiên hỷ ở tử tức hay tiểu hạn thì sinh con tốt.

Gặp Không Kiếp ở tử tức thì có hữu sinh vô dưỡng.

Bất kể cung nào nếu gặp Hỏa Linh Hình Sát thì động thai hoặc sinh thiếu tháng, khó nuôi.

Nam Mệnh thì dễ bị mê hoặc, e có **vụ vu** dâm.

Ở Kim cung (Dậu) lại sáng suốt ra.

Phú đoán:

Thai lâm Mệnh vị, đa học thiếu thành.

Thai phùng Kiếp Sát tu phòng sinh sản.

Thai Kim cung cũng hỷ tinh thần. Thai đa mê hoặc.

Thai Hoa (Cái) phùng Kiếp, gián đoạn Tử cung.

Ách địa hiểm thai phùng Bạch Hổ (băng huyết)

Nam Mệnh thủ Thai, **phùng nhận cần vi dâm** Kiếp.

26) Dương

Cát tinh. Chủ nuôi dưỡng, phù trì. Mộc.

Chỉ thời kỳ trứng nước của Hành khí sắp sinh.

Ở Mệnh thì dễ nuôi con và súc vật, gặp Ác Sát thì lại khó nuôi.

Mệnh vô chính diệu thì đi làm con nuôi lại tốt.

Gặp Đào Tang thì làm nghề thủ công khéo.

Tượng là cái bàn giấy. Phù trì cho các chính tinh Cát tinh.

Phú đoán:

Dưỡng hỷ lâm ư Tử tức, tất sanh quý tử.

27) Thái Tuế

Phù tinh. Thân Sát tinh. Chủ chí khí thị phi. Dương Mộc đối Hỏa.

Thái Tuế là đức "Tín" của ngũ đức.

Chỉ về họa phước của con người. Gặp Quan phù thì tù.

Có chí khí hoài bão lý tưởng, óc lãnh tụ, thích biện luận suy cứu, biết xét đoán, khinh người, ưa tình ghét oán, thị phi miệng tiếng, nhiều người ghét, cô độc ít bạn bè, có văn tài, óc tổ chức.

Ở Thân Dậu gặp Hình thì dễ bị tù ngục.

Gặp Thất Sát thì trí dũng. Gặp Kinh đắc địa là văn tinh.

Gặp Cự Cơ Quyền thì có uy quyền và tài biện thuyết.

Gặp Xương Khúc Khôi Việt thì thành "Đệ nhất văn tinh".

Là phù tinh, quá mạnh nên sao xấu cũng gây trở ngại.

Gặp Cát tinh thì phú quý, hùng biện, có danh.

Gặp Hung Sát thì hay có chuyện thị phi khẩu thiệt.

Gặp Đà ở Thìn Tuất hay Kỵ ở Dần Thân thì độc.

Hạn gặp Tuế thì phải có sự ăn thua lên xuống.

Phú đoán:

Thái Tuế Tang môn tần chiêu quan sự.

Thân cư Thái Tuế dữ nhân quả hợp.

Thái Tuế Quan phù, công tử hữu thấp chỉ chi ưu.

Tử vi Tinh hoa 1

Tuế Điều loạn xướng phù ngôn. Tuế phù thiết Kỵ Dần Thân.

Cảnh hiềm Thái Tuế Quan phù nhi **quan khi** khẩu thiệt.

Thân nội Tuế phùng Đà Kỵ, mạo đạo phồn hoa (ở ẩn).

Thái Tuế ngộ Dương Đà, đa chiêu khẩu thiệt

Tuế Thất Sát phùng, **hung trung** đà diệu toán.

Thái Tuế ngộ Quan phù, **phi luy tiết ư trung, Diệc luy tiết ư ngục.**

Thái Tuế lâm Thân ngộ Đà Kỵ nan cầu bình cát.

28) Thiếu Dương

Chủ uy Quyền. Giải hạn. Hỏa.

Thông minh ôn hòa từ thiện, giải trừ tai nạn nhỏ.

Tượng là con trai của mình, giúp Thái Dương thêm sáng, Thái Âm bớt tối.

Thiếu Dương Thiếu Âm giáp bên Tử vi là cách "Kim dư phù giá" (xe vàng hầu vua) hoặc "Kim dư phù ngự liểu". Rất tốt.

Thiếu Dương thiếu âm gặp Hóa Khoa là bộ Tam Tài

29) Tang Môn

Chủ bệnh hoạn tai nạn tang tóc. Hỏa đới Mộc.

Vẻ u buồn, da hắc ám, chỉ hình thương tang tóc bệnh. Tang cũng có nghĩa là tài giỏi, tốt đẹp.

Gặp Cự môn là "Lưỡng môn" bớt xấu.

Mộc Mệnh gặp thêm Sát tinh thì có 2 Tang liền.

Gặp Điều Hổ là có tang hay súc vật chết.

Đóng cung Thìn thì cha chết sớm.

Đóng ở Tứ Vượng là Thiên tử môn, rất tốt, quý và thọ.

Đóng ở Mão là bằng sắc hiệu lệnh treo cửa trời.

Nam Mệnh gặp Tang Hổ là anh hùng tài giỏi.

Gặp Thái Tuế Cơ Lương là tai nạn té ngã.

Phú đoán:

Nam nhân Tang Hổ, hữu tài uyên bác

Tang môn thuộc Mộc, Mộc Mệnh phùng thử chủ nhị táng.

Tử vi Tinh hoa 1

Tang môn thậm khổ ư Thiên la, Thung Huyền lãnh đạm (cha mẹ chết)

Nữ Mệnh Tang môn, Bạch Hổ vô sự **bài ưu (lo có)**

Tang môn Điều khách, Lục Châu ngộ trung, lâu chi ách.

(Lục Châu là người tình của Thạch Sùng té lâu mà chết)

30) Thiếu âm

Chủ uy quyền. Giải nạn. Thủy.

Tượng là con gái của mình. Thông minh ôn hòa, giải nạn nhỏ.

Phù cho Thái Âm thêm sáng, Thái Dương bớt tối.

Như cách của Thiếu Dương

31) Quan phù

Chủ quan tụng. Hỏa.

Thăng trầm trong quan trường, biết xét đoán, lý luận, hay giúp đỡ, chủ thị phi quan tụng, phù thịnh phù suy.

Gặp Thái Tuế có quan tụng thêm Xương Khúc thì tốt.

Đóng cung Quan Lộc có Cát tinh thì cũng hay.

Phú đoán:

Quan phù ngộ Kinh Dương ư Địa Võng, trất cốc bi sầu.

Quan phù Thái Tuế, công dã tràng hữu tiết lụy chi ưu

32) Tử phù

Chủ phù trì. Hỏa đới Kim.

Gặp Sát tinh thì lại gây tai họa, cát tinh thì tốt.

33) Tuế Phá

Chủ phá hại. Hỏa

Ương ngạnh, cản trở, phá tán.

Cùng Thiên Hư hoặc Sát tinh thì răng xấu.

34) Long Đức

Chủ đức độ. Thủy.

Khoan hòa phúc hậu đoan chính. Là cái đức của Vua quan.

Cùng Thiên Nguyệt Phúc Đức kết thành bộ "Tứ Đức".

Chủ giải trừ tai nạn mọi việc hanh thông. Nữ Mệnh càng tốt.

Cùng Thanh Long thành bộ "Song Long" rất hanh thông.

35) Bạch Hổ

Chủ uy Quyền, tai nạn. Kim.

Miếu Vượng: Dần Thân Tỵ Hợi Mão Dậu

Nét mặt nhăn nhó, hùng dũng mạnh dạn, gây tai nạn thị phi, bệnh tật quan tọng.

Ở cung Dậu là " Bạch Hổ khiêu Tây Phương" tốt lắm.

Ở Dần là Hổ cư Sơn trung, tốt. Ở Mão là Hổ xuất sơn lâm, thất thế. Ở Tỵ là Hổ tàng phong, tốt. Ở Dậu là Hổ ải cốc trung, hiền (Đây là tán rộng dư mĩ thời)

Gặp Hình là Hổ hàm kiếm. Gặp Tấu là Hổ đội hàm sắc. Gặp Phi là Hổ bay (đây cũng là tán rộng.)

Hổ Cái hay Long Phượng Hổ Cái là cách "Tứ Linh", giải trừ tai nạn, hoành phát công danh.

Ở cung Tật thì có bệnh ở cổ và Xương cốt.

Ở Nô thì có người cộng sự là tay anh chị.

Ở Thê mà **cân** Mệnh thì 2 lần lấy vợ.

Phú đoán:

Bạch Hổ Tang môn, anh hùng trí dũng.

Khả úy hàm Kim (Dậu) chi Bạch Hổ, tốt.

Bạch Hổ Tang môn bất nghi ư Điền Trạch.

Nữ Mệnh Hổ Diêu đa sự quả ưu (sinh khó băng huyết)

Bạch Hổ kiến Tướng quân, Đào Tiềm kiêu ấn (lãnh ấn Nguyên Nhung).

Bạch Hổ củng lâm (Dậu) Trương công chi cô hồng thích thích (mãn nguyệt)

Bạch Hổ thuộc Kim, Kim Mệnh phùng thử, chủ nhị thú.

Hổ Tang Điều Bệnh nhi Tứ hung, hạnh ngộ Đồng tinh hóa Cát.

36) Phúc Đức

Tử vi Tinh hoa 1

Chủ may mắn tốt lành. Thổ.

Khoan hòa, phúc hậu. Cùng Thiên Nguyệt Long Đức kết thành bộ "Tứ Đức".

Là cái Đức của Tổ tiên để lại.

37) Điều khách

Chủ tài năng hoạt động. Dương Hỏa đối Mộc.

Chủ ăn chơi, tai nạn, tang tóc. Hỏa đối Kim.

Hay nói ham chơi khinh người. Gặp Quan phù thì cờ bạc.

Chế hóa mất cái tốt của Hỷ thần.

Gặp Tang Kỵ thì tự sát.

Gặp Tang môn Hình thì có tang tóc, tai nạn.

Ở Dần gặp Mã thì thành kỵ sĩ, tốt.

Ở Tật gặp Sát tinh thì té rớt cây.

Phú đoán:

Điều khách Quan phù hiểu ư biện bác.

Điều khách dự phòng tiểu cố (tai nạn án tiết nhỏ).

38) Triệt phù

Chủ Phù trì. Hỏa đối Kim.

Phù cho cả tốt và xấu.

Gặp Ác Sát thì có bệnh tật.

Là sao phù trì khá mạnh, nên lưu ý.

39) Lộc Tôn

Bắc đầu. Dương Thổ đối thủy.

Quý tinh. Tài tinh.

Chủ phú quý, giải hạn.

Miếu Vượng: Tý Ngọ Dần Hợi.

Tử vi Tinh hoa 1

Là Thiên Lộc, lộc Trời cho. Là một sao Tài chính của Mệnh.

Là Quan Lộc vị của Hành khí bản Mệnh.

Ở Hợi thì tốt hơn vì thuộc quẻ Càn là Trời.

Vui vẻ thông minh, cơ biến, hiểu học, đa năng, nghiêm cẩn nên cô độc. Cứu khổn phò nguy gia tăng phúc thọ.

Triệt tiêu tính hoa nguyệt của Đào Hồng.

Gặp Hóa Lộc là cách Song Lộc vừa có tiền có quyền.

Gặp Thiên Mã là cách Lộc Mã giao trì (2 Hành khí gặp nhau) kinh doanh đây đó buôn một bán ba.

Gặp Cô Quả thì keo kiệt. Tối kỵ Tứ Không.

Gặp Quang Quý Quan phúc Diêu Y thì làm thầy thuốc.

Là "chân nhân chi tinh" chủ Quyền lộc phúc thọ.

Ở Tý Ngọ là cách văn chương nhưng đa học thiếu thành.

Vòng sao này chỉ sự thịnh suy về tài lộc trong 12 năm.

Phú đoán:

Lộc Tồn hậu trọng đa y lộc.

Thiên Lộc nhi ngộ Thái Âm tại nhàn cung, dị bào huynh đệ.

Nhập Mã tối hỷ giao trì, phát tài viễn quận.

Song Lộc nhi hội Cơ Lương, phú gia địch quốc

Lộc Tồn thủ ư điền tài, tích ngọc đòi Kim.

Mệnh vô chính diệu, hoan ngộ Tam Không, hữu Song Lộc phú quý khả kỳ. Lộc Tồn bất cư Tứ Mộ.

Lộc Mã Thiên di, sinh tài hữu lộc.

Lộc Tồn Tý Ngọ vị Thiên di, Thân Mệnh phùng chi lợi lộc nghi.

Minh Lộc ám Lộc, vị chí Công Khanh (cư và chiếu)

Song Lộc trùng phùng, chung thân phú quý.

Lộc phùng xung phá, Cát dã thành hung.

Song Lộc thủ Mệnh, Lã hậu chuyên quyền.

Thiên Lộc, Thiên Mã, Kinh nhân giáp đệ (đậu cao)

Lộc Lương cư Dần, nhi phùng Tử Vũ, Đinh Kỷ Âm nam, phú đa danh thọ (!)

Lộc Tồn tại viên, chí từ tổ nghiệp (giữ được của ông cha).

Lộc Tồn Xương Khúc tất hữu kỳ tài.

Tử vi Tinh hoa 1

Hợp Lộc củng Lộc, văn võ toàn tài.
Vượng phu ích tử, Lộc Mã giao trì.
Lộc Tồn uyển diễm thân tư (dáng đẹp).

40) Lực Sĩ

Võ tinh. Chủ về sức Mệnh. Hòa.

Mạnh bạo, thích ăn uống. Gặp Cát tinh làm nên lấy lòng.
Trợ lực cho các sao tốt và xấu.

Phú đoán:

Lực sĩ hữu uy hữu quyền, võ công xuất chúng

41) Thanh Long

Quý tinh. Chủ thịnh phát vui vẻ. Thủy đới Thổ.

Giải trừ các tai nạn nhỏ. Cơ biến hoạt bát, mi đẹp.

Lợi cho việc cầu công danh, thi cử, cưới hỏi, sinh đẻ.

Đặc biệt chế ngự được Tứ Không.

Gặp Hóa Kỵ hay Lưu Hà là rỗng mây gặp hội, gặp Mộc **dịu** là rỗng gặp nước, mọi sự hanh thông.

Gặp Quan đới là cách hiên ngang lang miếu (cung điện)

Gặp cách "Long Hổ hội" hay " Tả Thanh Long, Hữu Bạch Hổ" tại cung phúc thì rất tốt, có mồ mã rất phát.

Gặp Long Đức tại Thìn là "Song Long nhập uyển"

Phú đoán:

Khảm (Tý) nghi hí thủy chi Thanh Long.

Thanh Long phiếm hải (Hội Tý) Khương Thái Công chi triều đầu hân hân. (Khương Tử Nha vui về đi châu vua Văn).

Thanh Long vọng phái (qua nhánh sông) thừa Mộc dực dĩ thanh quang.

Thanh Long cư Phúc Đức, nhân đình chúng đa.

Thanh Long Hóa Kỵ Thìn Thổ, Đình Kỷ Âm nam, công danh trọng mãi.

Long Cốt (Thanh Long) Lâm Quan, hiên ngang lang miếu.

42, 43) Đại Tiểu Hao

Chủ hao tốn. Hỏa

Miếu Vượng: Mão Dậu, Dần Thân

Hao hủy, ly tán, lao đao, thông trôi. Ở cung Tật thì bớt xấu.

Gặp Sát tinh thì dễ mắc nạn đao súng.

Gặp Hóa Linh thì mắc ghìen, người nhỏ bé

Mệnh vô chính diệu mà có Hao Tuyệt thì xảo và tham lặn.

Mệnh ở Mão Dậu có Cự Cơ thì tốt, nhưng "Tốt Ông không tiền", có tiếng không miếng.

Trai đa tình Hợi Ty Song Hao.

Song Hao Mão Dậu là cách "Chúng thủy triều đông" có lúc tiền vào như nước lại hóa tính thành văn tinh thông minh, hiểu học, ham tìm hiểu, có vẻ kinh doanh, ham học mà cũng ham chơi.

Phú đoán:

Hao cư Lộc vị duyên viên đồ do nhất thực (ăn mày).

Song Hao Mão Dậu, chúng thủy triều đông, tối hiểm Hóa Lộc, ái ngộ Cự Cơ. Lưỡng Hao thiết kỵ ư Tài cung.

Hao ngộ Tham Lang tàng dâm tình ư thủy đễ (kín đáo).

Hao Sát Hồng Đào, Ất Tân hạn đao, đa phòng phản phúc Khoa khư hạnh cầu. Lưỡng Hao hình thể tổ tiếu.

Đại Hao lâm Quan phủ, Lưu Nghị Tôn Thất nhi hu hồ (Lưu Nghị cùng họ nhà vua cũng bị tù tội oan.)

Đặng Thông ngạ trở (chết đói) hạn phùng Đại Hao chi hương.

Đại Hao chủ hao tài, phùng hung tinh tất tang phục.

Nhị Hao Ác Sát, ngạ tử chi nhân (chết đói).

44. Tướng quân

Chủ uy quyền. Mộc.

Can đảm kiêu căng. Lợi ích cho việc cầu công danh.

Nữ Mệnh thì hay lán át chồng.

Gặp Ấn Mã thì phát võ. Cùng Thiên Tướng là "Lưỡng Tướng".

Đi với Liêm thủ Mệnh thì đáng người thô kệch.

Binh Hình Tướng Ấn là cách "Tứ Dũng".

Số nữ gặp thêm Binh Đào thì ngoại tình hay bị hiếp.

Tử vi Tinh hoa 1

Phú đoán:

Tướng quân chí thiện dụng binh.

Tướng quân tính cương nhi thuộc Mộc.

45. Tấu Thư

Văn tinh. Chủ giấy tờ, ca vũ. Kim đới Thổ.

Hòa nhã, đa tài, nói khéo, hoạnh phát tài danh.

Số nam đi với HỔ, số nữ đi với HỒNG thì tốt.

Cùng Quan phúc Khoa Quyền thì gần vua. Gặp Hoa Cái có công danh.

Thông minh, biện luận giỏi, nhất là gặp Tử vi.

Phú đoán:

Tấu thư đa năng nhi thuộc Kim.

Tấu thư thủ Mệnh, thị đa khẩu thiệt chi nhân.

46. Phi Liêm

Chủ hoạt động. Cô đơn. Hỏa.

Tính cô độc, lạnh lợi, phù trì. Gặp HỔ là cọp bay, tốt.

Gặp Tử Không thì học giỏi mà ngạo ngược.

Không nên ở tử tức hay huynh đệ (hiếm).

Không lợi cho việc sinh đẻ, hay gặp tai nạn đao thương.

Hạn có Đào hoa là gặp thời lên.

Gặp Thiên không Đào Hồng là bệnh lao phong nữ.

Gặp ác tinh thì có Quan tụng khẩu thiệt.

Mừng vui buồn giận gì thì cũng tới rất mau.

Chỉ có Thiên thọ mới giải được ác tính.

Phú đoán:

Phi Liêm mao phát ở uân, lông tóc đen vàng.

Phi Liêm chủ có, Hữu Thiên thọ kỳ năng giải.

47. Hỷ Thần

Thiện tinh. Chủ vui vẻ. Hỏa.

Tử vi Tinh hoa 1

Ảnh hưởng tốt tới công danh tài lộc, tình duyên sinh nở.

Cùng Dương ở Tử Tức thì sinh Quý tử.

Gặp Tang môn hay Điếu khách thì có tang.

Gặp Long Phượng thì rục rở. Gặp Thiên hỷ là "Song hỷ"

Phú đoán:

Hỷ Thần tường kính (cổ dài) nhi tâm khoan.

Hỷ Thần chủ thọ, ngộ Kiếp không vị vi kỳ (hồng).

48. Bệnh Phù

Chủ bệnh tật. Thổ đới Mộc.

Chủ bệnh tật hình thương, người gầy ốm, da xám.

Gặp Diêu Đà Kỵ thì què. Gặp Hình thì bệnh phong sang.

Ở Mệnh tật có Đào Hồng Diêu thì mắc bệnh phong tình

Phú đoán:

Bệnh Phù thân triển ác tật.

Bệnh Phù đa đái tật, ngộ Thái Tuế tắc hình thương (có tật)

49. Phục Binh

Chủ võ dũng, phản phúc. Hỏa.

Gian tài nhưng mạnh dạn và được việc, cơ mưu thủ đoạn quyền biến, gian xảo, ám hại
phả trác.

Gặp Cát tinh thì chủ uy quyền, gặp Sát tinh thì tai nạn binh đao. Gặp Kiếp Kinh Diêu Kỵ là
gian phi.

Phú đoán:

Phục binh Bạch Hổ phi khẩu thiệt ư quốc diệc khẩu thiệt ư gia.

50. Quan phủ

Chủ phiền nhiễu, gian nịnh. Hỏa.

Tượng về công môn. Chủ phán phúc, nịnh bợ, cản trở, miệng tiếng, thường tới công môn,
có thị phi quan tụng.

Gặp Liêm Hình Tuế thì thường có quan tụng.

Phú đoán:

Tử vi Tinh hoa 1

Quan phủ thủ viên, Ty thử phòng nhân chi phần.

Quan phủ đa kinh ư Địa Vĩng, trất cốc bi sầu.

Quan phủ giáp hình sát ư Thiên di, Ly hương **tao khỗn**.

51. Thiên Mã

Chủ tài năng, hoạt động. Dương Hỏa đới Mộc.

Tăng tài tiến lộc, hiếu động lanh lợi, hiền đạt, thông minh, đa tài năng, xuôi ngược tháo vát, đổi thay công việc.

Liên quan tới chân tay, xe cộ, vợ con.

Hạn gặp Mã là có sự thay đổi hay đi xa.

Vòng sao này chỉ về hành động con người mỗi năm.

Thuộc ngôi vị sao Bệnh của vòng Hành khí Tam hợp Cục tuổi và bao giờ cũng ở 4 góc vậy.

Gặp Lộc Tồn là cách "Lộc Mã giao trì" thì hoạnh tài, đó là 2 hành gặp nhau nên hòa hợp.

Mã Đà thì thông minh mưu trí nhưng phiêu bạt, thêm Kỵ thì què, thêm Tuế thì yếu.

Ở Điền Tài thì hoạnh phát tiền của.

Ở cung Thê có Cát tinh thì lấy vợ giàu sang, gặp Sát tinh và Tuần Triệt thì vợ bỏ đi hoang.

Tại Hợi có Đà Tuần Triệt thì có tật ở chân tay, hay tai nạn xe cộ, nếu thuộc cung Tật thì càng xấu.

Gặp Tử vi là cách "Tử Mã nhất ban" rất quý.

Gặp Hình Khốc Hư thì oai hiển.

Gặp Khốc Khách thì hanh thông gặp thời, tức tuần mã,

Mã gặp Hỏa Linh là chiến mã, khá tốt.

Các Thầy thường theo nghĩa đen rồi ghép: Mã ngộ Hình là phù thi Mã, Mã Đà là ngựa què, Triệt Mã, Mã tại Hợi là cùng đồ Mã, Mã gặp Khốc là Văn Mã, ngựa Mã, Thiên Tử Mã, gặp Hư là phong Mã, Tướng quân Mã...

Phú đoán:

Mã bất kiến Không, lương gia quân tử.

Thiên Mã tại Ty thị ư chiến mã, hạnh ngộ Tướng Khoa, loạn thế xuất đầu. Mã ngộ Tràng Sinh, thanh vân đắc lộ.

Mã ngộ Khốc nhi phùng Quyền Lộc tại Quan cung, võ tất thăng ban đệ nhất, văn hội tuyển Tam Công.

Tử vi Tinh hoa 1

Mã ngũ Tam Thai anh hùng vô đối (không có đối thủ).
Mã ngũ Thiên Hình nhi phùng Thiên Khố, công hoàn phát võ.
Chích Hòa (Hỏa tinh) phùng Thiên Mã bất nghi viễn hành.
Thiên mã yếu thủ ư Điền Tài (cần ở đó, hanh thông).
Lộc Mã Thiên di, sinh tài hữu lực.
Mã ngũ Không Vong, chung thân bôn tẩu.
Tinh cầu Mã Khúc, hoạch phát ư tứ thập niên tiền.
Mệnh ngũ Mã Lương, túng du vô yếm (ngao du không chán)
Thiên Mã nhập Mệnh, mẫn tiệp đa năng.
Vượng phu ích tử, giai do Mã Lộc giao trì.
Thiên Mã phối cung, tất vi Mệnh phụ Công Khanh.
Thiên Mã Thê cung, phú Quý hoằng dương phong tặng.
Thiết Mã Thiên trình ngũ Tràng Sinh nhi hưởng phúc.

52. Tức Thần

Chủ lợi lộc. Thổ

Gặp quyền quý tinh thì công danh thăng tiến.
Chủ võ tạo gia cách tốt lành của cách "Tiền Cái hậu Mã"

53. Hoa Cái

Đài các tinh. Chủ công danh phú quý. Kim.
Xa hoa, làm bộ dáng, bay bướm, trịch thượng.
Tượng là cái lọng che. Gặp Mộc Diêu thì lãng mạn.
Ở Mệnh hay Thiên di thì được nhiều người mến.
Gặp Quyền Tướng Ấn Long Phượng thì công danh lớn.
Gặp Xương Khúc Khoa Quyền Khôi Việt đệ nhất võ ban.
Gặp Tấu Hồng thì thông minh, hào hoa, thanh cao.
Phú đoán:
Hoa Cái Thiên di xuất ngoại cận quý
Cái Tấu thư thanh cao **tung chúng**.
Nam tử Hoa Cái cư Thân, xuất ngoại đa ái.

Tử vi Tinh hoa 1

Hoa Cái tế yêu nhi sắc diễm (lưng nhỏ sắc đẹp)

54. Kiếp Sát

Chủ sát phạt, tai kiếp. Hỏa

Độc ác gần như Địa Kiếp thứ hai, tai nguy hung bạo.

Đi với Lưu Hà thì độc, chủ tai nạn hình thương.

Gặp Hình thì liên can tới việc mổ xẻ.

Gặp Cơ Lương Hình Hao càng xấu.

Không có sao giải thì yếu bản.

55. Tai Sát

Chủ tai nạn chết chóc. Hỏa.

Tai kiếp, tai nạn do số kiếp đã định lên.

56. Thiên Sát

Thần giám sát. Dương thần. Hỏa.

Tới thời Thiên địa tạo hình, tra xét vạn vật.

Tai họa do Trời giáng xuống.

Liên can tới cha, con trưởng, cháu đích tôn.

. Chi Bói

Chủ tài Lộc. Thổ.

Chỉ về tiền bạc của cải Trời cho.

Gặp Cát tinh Tài tinh thì tiền dư thóc để.

58. Đào Hoa

Chủ hạnh thông, lãng mạn. Mộc

Vui vẻ, tốt lành, mau mắn, bay bướm, có duyên.

Chỉ thời trướng nước, yếu ớt, mau tàn.

Gặp Thiên không là gặp thời, rất mưu trí, sắc sảo, nhất là ở Tý nhưng mau tàn. Cùng Lương Mã thì giang hồ.

Tử vi Tinh hoa 1

Cùng Hồng ở Quan Lộc thì phát sớm, nhất là ở Tý.

Gặp sao Sát thì yếu, có Lộc Tồn mới hóa giải được.

Gặp Sát bại tinh thì duyên tình dang dở, phiêu bạt.

Gặp Cát tinh thì duyên tình may mắn tốt lành.

Đào Hồng Hỷ là bộ "Tam minh", hanh thông

Phú đoán:

Đào Hoa thủ Mệnh quả Thê.

Đào Hoa cư Quan, tảo Tuế đắc quan hành chánh.

Đào Hoa phùng Thiên Mã, túng khách vô môi (không mai mối)

Đào Hoa đáo cảnh (về già) trung cập bệnh triền.

Nhan Hôi yếu tử do hữu Đào Hồng Không Kiếp Đà Linh thủ Mệnh.

Đào Hoa ngộ Thiên cơ Doãn vi xóa họa (họ Doãn vẽ giỏi.)

Mệnh cư Đào Hỷ, hướng Tử Dương, phú quý kham kỳ (có lúc).

Đào Hoa ngộ Phi Liêm, Nguyễn Tịch Tàn triều nhi túy khánh (gặp thời)

59. Nguyệt Sát

Thần giám sát. Âm thần. Hỏa.

Tới thời kỳ Thiên địa thâm tàng, tra xét vạn vật.

Tai họa do phúc đức lưu lại.

Liên can tới mẹ, con gái, cháu gái.

60. Vong Thần

Chủ tàn hại suy vong. Hỏa.

Chết chóc quên lãng, bất khả dụng. Uy nghi mà hung dữ.

Có địa vị lớn mà dễ đổ vỡ.

61. Tước Tinh

Chủ công danh tước lộc. Kim

Đa năng, cao cả, quả cảm, lợi công danh.

Ứng hợp với Túc Thần và Quý tinh công danh phát lớn.

62. Phan An

Tử vi Tinh hoa 1

Chủ tốt đẹp, hanh thông. Mộc.

Cứu giúp, nâng đỡ, che chở, lợi công danh tinh duyên.

Hợp cung Quan Lộc, phu thê. Gặp Lộc thì phát tài.

Gặp Văn tinh thành văn nghệ sĩ có danh.

63,64. Bộ Thiên Khôi, Thiên Việt

Âm Hỏa đới Kim. Dương Hỏa đới Mộc.

Quý tinh, Văn tinh. Chủ khoa giáp, giải nạn.

Được coi là "Thiên Ất Quý nhân", tức là thần Thiên Ất có hình vẽ treo trước cửa ra vào.

Thông minh cao thượng, thích làm thủ lĩnh, ưa văn chương, uy nghi mô phạm, hiền lương nhân hậu.

Tượng là đầu vai, bằng cấp bút mực.

Mệnh có Khôi thường là con trưởng hay thế trưởng.

Gặp Kỵ thì đầu có tật. Gặp Vượng thì nhiều nốt ruồi.

Tối kỵ Tuần Triệt và Sát tinh.

Hóa giải một phần bất lợi của chính tinh lạc hãm.

Việt gặp Sát tinh thì có thể bị sét đánh, điện giật.

Đây là bộ sao Âm Dương dựa theo tục.

Phú đoán:

Thiên Khôi Thiên Việt cái thế văn chương.

Khôi Việt giáp Mệnh tối vi kỳ. Giáp Khôi giáp Việt vi kỳ cách.

Khôi Việt Mệnh Thân đa triết quế (bể càn quế, thành đạt)

Khôi Việt Xương Khúc Lộc Tồn hành Sát vô xung, đại phú quý.

Khôi Việt trùng phùng Tứ Sát, có tật ưu đa.

Khôi Việt đồng hành vị cư Thai Phụ (đầu hàng văn).

Khôi lâm Mệnh vị, vị liệt Tam Thai (3 cấp lớn).

Khôi Việt phụ tinh vi phúc thọ.

Khôi Việt Mệnh Thân, vi trường tử.

Giáp Quý, giáp Lộc, thiếu nhân tri (Quý là Khôi Việt).

Khôi Việt đối chiếu, Giả Nghị niên thiếu đăng Khoa.

Khôi Việt lâm tật ách, Giáng quân vô văn (không học dốt)

Tử vi Tinh hoa 1

Khôi Việt Văn Khoa, ngộ Đà Ky, thiên vi dật sĩ (ở ẩn).

Khôi Việt nhập Mệnh Thân, ư gia quốc, tất vi nhân trường.

65,66. Bộ Văn Xương, Văn Khúc

Âm Kim đới Thủy. Dương Thủy đới Hỏa.

Văn khôi tinh. Chủ văn chương, khoa giáp, tài sắc.

Miếu Vượng: Thìn Tuất Sửu Mùi Tỵ Hợi

Bình hòa: Mão Dậu Thân Tý

Hãm địa: Dần Ngọ.

Có tài là Văn Quế Văn Hoa chủ về tài sắc và "Văn Khôi tinh".

Quý tướng, tai thính mắt sáng, có nốt ruồi kín, nhân hậu thông minh, thích văn chương mỹ thuật.

Khúc đi với Liêm thì làm thư lại, có Nguyệt thì làm quân sự quạt mo.

Gặp Diêu Ky thì lãng mạn và yếu.

Tối Ky gặp Thương Sứ vì ở ở Nô giải nên vô dụng.

Gặp Diêu Tuế ở Dần Thân, yếu và hay có quan tụng.

Gặp Liêm Tham thì xấu. Gặp Ác Sát thì yếu và ca sớ.

Xương hợp với Tả phụ, Khúc hợp với Vũ Khúc.

Gặp Lộc Nhật Lương thì giàu lớn.

Gặp Tham Ky ở Sửu Ngọ thì chết nước.

Khúc gặp Tham Linh Hỏa thì võ chức tới Thống Chế.

Văn Khúc tại Mệnh, Vũ Khúc tại Thân, văn võ toàn tài.

Đắc lực với Nhật Nguyệt là cách "Âm Dương Xương Khúc".

Gặp Nguyệt Diêu thì văn chương đa tình.

Đây là bộ sao Âm Dương dựa theo trục.

Phú đoán:

Xương Khúc hựu Âm, Dương nhi đắc lực.

Xương Khúc Tả Hữu hội Thê cung diễn trần trần ư lân chỉ (đẹp như con kỳ lân).

Văn Khúc hỷ Nguyệt ư Hợi cung, quốc sắc thiên hương nhân sở úy (sắc nước hương trời đẹp dễ sợ)

Văn Xương Văn Khúc, vi nhân đa học đa năng.

Tử vi Tinh hoa 1

Văn Quế Văn Hoa cừu trùng quĩ hiển (gần vua).
Văn Khúc Vũ Khúc cư Thân Mệnh, văn võ kiêm bị.
Nhị Khúc triều viên, phùng Tả Hữu, tướng tướng chi tài.
Văn Khúc Vũ Khúc đồng Mệnh, Lý Linh loại tướng tướng chi quý.
Bất phú tắc quý, giai do Khúc Xương cư Tỵ Hợi.
Xương Khúc Lộc Tồn tất hữu kỳ tài.
Văn Xương tính thanh thả khiết, lợi phu ích tử.
Xương Khúc Phá quân phùng Hình Khốc, nhi lao khổ.
Tỵ Hợi Quế Hoa (Xương Khúc) phi vinh, tắc phú.
Văn Xương cư Ngọ vị Ký Việt: khốn, đắc Thủy diệu chung thành đại khí (Thủy chế bớt Hỏa thành tốt).
Ca Khúc hãm cung phùng Sát Phá, Phúc Đức tồn long.
Văn Xương ội Liêm nhi táng Mệnh thiếu niên.
Xương Khúc Cát tinh ư Phúc Đức, vị chi ngọc tại Kinh Thiên.
Nhị Khúc đồng cung uy danh hách dịch.
Xương Khúc giáp Mệnh, đối vi kỳ.
Xương Khúc đa học, phùng Tuế Dương, thiện tác tụng sư (thầy kiện).
Xương Khúc Tỵ Hợi lâm, bất quý tất đại phú.
Xương Khúc lâm ư Sửu Mùi, thời phùng Mão Dậu, cân Thiên nhan (sinh giờ Mão Dậu có cách ấy, gần mặt vua.)
Xương Khúc Mệnh Thân, tài danh quán thế.
Khúc Ngọ Lương tinh, vị chí đài cương (học cao).
Xương Khúc ngộ Lộc Tồn, do vi kỳ thị (khó thấy có).
Xương Khúc Phá quân lâm Hổ miêu (Dần Mão), Sát Kinh xung phá, cách bên ba (về sau phải bên ba).
Văn quế Văn hoa, đối ư phúc vị, thọ như bành tổ.
Nữ nhân Xương Khúc, thông minh phú quý, chỉ đa dâm.
Xương Khúc giáp Mệnh, xuất ngoại đa cận quý.
Nhị Khúc Tý Thìn, uy danh hiển hách.
Xương Khúc giáp trì (Nhật Nguyệt), quý nhi thả hiển.
Văn Xương hãm Thiên Thương, đồ lãng đấng.
(?) Liêm Trinh phùng Văn quế, cách bên ba.

Tử vi Tinh hoa 1

Dương Phi hảo sắc vị Khúc Xương (Dương Quý phi có sắc đẹp).
Xương Khúc Sửu Mùi Giáp Canh Dương nữ, hiền phụ chi nhân.
Văn Xương, Tả phụ vị trí Tam Thai (3 cấp lớn).
Nhị Khúc Tham Lang **mịch** thủy đầu hà (đâm đầu xuống sông chết nước).
Xương Khúc thủ Thân, phùng Cơ dâm loạn.
Xương Khúc Tham Lang Ngọ Sửu phùng **mịch** thủy chi tai.

67,68. Bộ Tả Phụ Hữu Bật

Dương Thổ đới Kim. Âm thủy đới Thổ.

Phù trợ tinh. Chủ quyền lệnh, phù tá.

Miếu Vượng: Thìn Tuất Sửu Mùi

Đa tài đa năng, phú quý an nhàn, vũ lương đoan trang.

Ứng mạnh khi trung niên. Phù cho cả cát hung.

Tả đi với Xương, Hữu đi với Tướng rất tốt, chủ thọ.

Tả Hữu ở Mệnh thì đa Phúc Đức nhưng ly hương.

Gặp Tử Phủ Vũ Tướng thì Phúc Lộc Thọ.

Gặp Cơ Nguyệt Đồng Lương cũng rất quý.

Gặp Sát Phá Liêm Tham thì có uy quyền

Đây là bộ sao Âm Dương dựa theo trục.

Phú đoán:

Tả Hữu giáp Mệnh vi quý cách.

Tả Hữu Văn Xương vi trí Đài cương, **Thai cương...**

Tả phụ Hữu Bật, chung thân phúc hậu.

Tả Phủ đồng cung tôn ư vạn thừa (thặng) (muôn cỗ xe.)

Tả Hữu đồng cung phi la y tử (sắc phục Tể Tướng).

Tả Hữu phu cung vô môi tự giá (không mai mối.)

Phụ Bật Thiên Tướng phúc lai lâm.

Tả Hữu tài cung kiêm Giáp, y lộc phong doanh.

Mộ phùng Tả Hữu, tôn cư bát tọa chi quý (8 chỗ cao)

Hữu Bật tại phụ cung, vi nhân hữu tiểu tinh chi nhân (vợ bé)

Tả Hữu di nhập Mộ cung, nhược phùng Đế.

Tử vi Tinh hoa 1

Tượng Võ cách, Văn Đoàn, hoạnh phát danh tài.

Tả Hữu Trinh Dương, tao hình ngục.

Tả Hữu Khôi Việt ư phúc thọ.

Tả Hữu giáp Đế (Tử vi) phúc lai lâm.

Phụ Bật phùng Thiên Tướng, Địch thị lương y (họ Địch).

Tả Hữu Nhật Nguyệt lâm Tử Tức, khánh trập trập ư chung tư (con nhiều như cào cào châu chấu.)

Tả Hữu đồng cung Thân vô hoạnh lự.

Tạ phụ phùng Cát tinh, bất vi yếu triết.

Hữu Bật phùng Thiên Tướng, tất dã trường sinh.

Hữu Bật đơn lâm ư Mệnh viên, ly hương sở nghiệp.

Tả Hữu trùng lai ư Phúc vị, tiên tổ hữu quang.

69,70. Bộ Long trì, Phượng các

Dương Thủy. Âm Mộc đới Thổ.

Quý tinh, Văn tinh. Chủ Khoa giáp, Hỷ sự.

Miêu Vượng: Thìn Tuất Sửu Mùi.

Nhân hậu thông minh, uy nghi đường bệ, đài các, khoa giáp, công danh quý hiển.

Liên quan tới việc cưới hỏi, sinh nở, quan giai, thi cử, tài lộc, nhà cửa, hỷ sự...

Gặp Khôi Việt Tả Hữu kết thành bộ "Hiền Thần" phù tá cho Tử Phủ đắc lộc.

Phượng gặp Hỷ là Phượng múa, gặp Phi là Phượng bay.

Long gặp Thanh Long, Long Đức. Gặp Diêu Kỳ chết nước.

Cần gặp Nhật Nguyệt Cơ Lương. Hạn gặp thì hanh thông.

Đây là bộ sao Âm Dương dựa theo trục.

Phú đoán:

Phượng Long Tả Hữu Mệnh viên, chung thân phú quý.

Phượng hàm Thư (Tấu) nhi phùng Nhật Nguyệt Tam Kỳ (Tam Hóa) lai nhập Tứ Sinh, nam tất uy Bá quyền danh nữ tất danh đăng xướng vũ.

Long Phượng giáp Quan, Thân cư cấm thất (nhà đẹp).

Long trì Phượng các ôn lương, quý nhân hảo phối.

Long trì Khoa đệ yểm Nhật Nguyệt nhi từ trệ kham ưu (có thi đậu muộn cũng không lo).

Phượng các quan giai tựu Khốc Hư nhi ba thiên hữu hạn (có chậm cũng tới).

71,72. Bộ Tam Thai, Bát Tọa

Dương Thủy. Âm Mộc.

Đài các tinh, Văn tinh. Chủ hiến đạt thanh nhàn.

Miếu Vượng: Thìn Tuất Sửu Mùi.

Đài các khoan hoà bệ vệ phúc hậu, an nhàn khôn ngoan.

Đem lại sự may mắn, làm cho nhà cửa cao sang.

Có nghĩa là 3 bậc và 8 chỗ cao nhất trong Triều.

Chủ cả văn võ. Tuổi trẻ đã có danh vọng.

Được mang danh là "Tử vi chi phụ tá tinh".

Gặp Song Lộc thì "vạn sự tất thành". Ít sợ Sát tinh.

Cách "Mộ trung Thai tọa" là cách bền vững.

Đây là bộ sao Âm Dương dựa theo trục.

Phú đoán:

Mộ trung Thai tọa văn mô vũ lược kiêm ưu.

Giáp Thai giáp Tọa danh phận tảo vinh (sớm đạt.)

Bát Tọa hướng Dương (Nhật) thị tụng ư cung cấm (gần vua).

Thai tọa Phong Cáo hiển ám thừa quang (nhờ hơi ông cha).

73,74. Bộ Ân Quang, Thiên Quý

Âm Mộc. Dương Thổ.

Quý tinh Phúc tinh. Chủ ân tứ nghĩa hiệp.

Miếu địa: Thìn Tuất Sửu Mùi

Thông minh quân tử thanh tao, trọng ân nghĩa, giải tai nạn, có quý nhân giúp đỡ. Gặp Sát tinh cũng vô hại.

Chế giảm tính hoa nguyệt của Đào Hồng.

Gặp Đà Cự Ky Tuế thì làm ơn nên oán.

Gặp Đào Hồng Tả Hữu Quan phúc là người nhân hậu, cứu đời, liên quan tới nghề thuốc.

Đây là bộ sao Âm Dương, dựa theo trục.

Phú đoán:

Tử vi Tinh hoa 1

Sửu Mùi Quang Quý tương phùng, tam sinh hũu hạnh.

Quý ân đồng vị thời phùng Mão Dậu cận Thiên nhan (sinh năm Mão Dậu đồng cung tại Sửu Mùi, gần vua)

Quang Quý hỷ Sửu Mùi chi vị, hạn hành tất dã thành danh.

Thiên Quý Ân Quang, tượng phu phong độ.

75,76. Bộ Thiên Quan, Thiên Phúc

Âm Hỏa. Dương Thổ.

Phúc tinh. Chủ ân phước, tín ngưỡng.

Có tín ngưỡng, đức độ, ban ân, phước thiện...

Gặp Cát tinh thì làm quan cận thần

Gặp Sát tinh thì làm nghề cũng tinh thông.

Gặp hạn thì có người giúp. Cần có Tam Hóa đi theo.

Có tục lệ thờ thần Thiên Quan Thiên phúc trước nhà.

Đây là cặp sao Âm Dương dựa theo trục.

Phú đoán:

Thiên phúc Tấu thư tha kỳ dị vực (đi xa).

Thiên Quan Thiên Mã tòng dịch gia nhân (hầu nhà Quan.)

Thiên phúc Thiên Quan tất nhiên khoa đệ.

77,78. Bộ Thai Phụ, Phong Cáo

Dương Kim. Âm Thủy đới Thổ.

Văn tinh Quý tinh. Chủ bằng Sắc quyền quý.

Nhân hậu hiền đạt, hơi tự đắc, có chức vị phong tặg.

Hợp với Vũ Tướng, không ưa Đồng Cự.

Tượng cho bằng sắc giấy tờ, thiên về công danh sự nghiệp hơn là văn học nghệ thuật.

Phong Cáo gặp Thiên Tướng là phải có chức vị khá.

Đây là bộ sao Tam hợp.

Phú đoán:

Thai Phụ Phong Cáo quân tử uy nghi.

Tử vi Tinh hoa 1

Phong Cáo Thai tọa hiền ám thừa quang (nhờ bóng cha ông).

Phong Cáo hỷ Thanh Long tất thăng Quan chức.

Thai Phụ hỷ phùng Thai, tất sinh quý tử (!)

Thai Cáo ái giao Âm Tướng, ó Ky, Cự Đồng, nhi ngũ Khôi Xương, cử Khoa ngao đầu tất chiếm (đậu cao.)

79. Hóa Lộc

Tài tinh. Chủ Tài Lộc Phúc Thọ. Thổ đới Mộc.

Miếu Vượng: Tý Ngọ Mão Dậu.

Phúc Lộc Thọ, tài giỏi an nhàn, phúc hậu giải nạn.

Ở cung Tài là hợp vị. Ở Tứ Mộ vất vả về tiền bạc.

Sợ Không Kiếp Hao Phá. Không sợ Tứ Sát.

Ở Mệnh thì hay gặp may, râu tóc rậm.

Thần thủ cung Phúc Đức và Tài bạch.

Ở Dần Mão là cách "Cổ thủ tham tài" giữ được của.

Giúp cho Tham Vũ hay Cự Cơ thêm hoành phát.

Phú đoán:

Hóa Lộc đắc địa cư Dần Mão, cổ thủ tham tài.

Lộc Quyền tại Mệnh hợp Cát, oai quyền yểm chúng, tướng vương triều. Lộc phùng Tứ Sát hữu danh vô thực.

Hoạt Lộc Tý Ngọ vị Thiên di, Phu Tử văn chương quán thế.

Hóa Lộc hoàn vi hảo, hưu hướng Mộ trung tàng (không nên).

Hợp Lộc, củng Lộc, địch vị văn võ toàn tài (nhị hợp và chiếu)

Song Lộc cư Mệnh nhi ngũ Cơ Lương, phú gia địch quốc.

Lộc phùng Lương Miếu, hảo tư tài ích dữ tha nhân (giúp người).

Lộc cư nô bộc, tủng hữu quan dã bồn trì.

Lưỡng Lộc cư Dần nhi phùng Tử Vũ, Đinh Kỷ Âm nam phú đa danh thọ. (tuổi này có Lộc Tồn ở Ngọ).

Song Lộc lưỡng ngũ, Khương Thái Công chi vũ lược siêu quần.

Lộc Quyền Mệnh phùng kiêm hợp Cát, danh dự Phúc Tài.

Hóa Lộc Hóa Quyền, quy mô đơn hậu.

80. Hóa Quyền

Quý tinh, Quyền tinh. Chủ quyền hành. Mộc đới Thổ.

Miếu Vượng: Thìn, Tuất Sửu Mùi

Mạnh dạn, lanh lợi, hách dịch, có dị tướng, kiêu căng, cơ mưu, tháo vát, cứng rắn, thích chỉ huy.

Là phù trợ tinh như Tả Hữu, phù cả cát và hung.

Đóng cung Quan Lộc là hợp vị. Gặp Tả Hữu Cái rất tốt.

Ứng hợp với Thất Sát, Cự môn Hóa Kỵ.

Ở cung Nô thì lao đao vất vả về danh vọng.

Gặp Cự Vũ thì làm nên danh giá.

Gặp Vũ hay Sát Phá Liêm Tham thì phát võ.

Gặp Không Kiếp Linh Hỏa thì liêu lĩnh, độc ác.

Cơ Quyền, Khốc Quyền, Kỵ Quyền thì có công danh.

Phú đoán:

Quyền Khốc đồng cung, minh danh vu thế.

Xuất thế vinh hoa, Quyền Lộc thủ Tài Quan chi vị.

Quyền Lộc trùng phùng, Tài Quan Song mỹ.

Quyền Lộc trùng phùng Sát Hư, dự chi Long (hư danh)

Quyền Lộc thủ Phúc Tài chi vị, xuất thế vinh hoa.

Quyền Lộc Cát tinh Nô bộc vị, tủng nhiên quan dã bốn ba.

Quyền Lộc phùng Tứ Sát, hữu danh vô thực.

81. Hóa Khoa

Quý tinh, Khoa giáp tinh. Chủ Khoa bảng, giải nạn. Mộc đới Thủy.

Miếu Vượng: Dần Thân Tỵ Hợi.

Thông minh phúc hậu, từ thiện lịch duyệt thanh nhân.

Được coi là đệ nhất giải thần. Đóng Mệnh là hợp vị.

Thần giám Sát thi cử. Ứng hợp với Cơ Khôi.

Giải cứu cho Cự môn hãm địa.

Đi với Thiên Thương thì mờ tối. Gặp Sát tinh vô hại.

Tử vi Tinh hoa 1

Ở Tý thì thuyết lý thâm sâu (số Khổng Tử).

Khoa Quyền Lộc liền ba cung là "Tam Hóa liên châu" rực rỡ lắm.

Phú đoán:

Khoa Quyền Lộc vọng, danh dự chiêu dương.

Khoa Quyền hội hợp, phú quý song toàn.

Khoa Quyền tại Ngọ, trấn ngự biên cương.

Khoa Mệnh quyền triều, Đặng Dung giáp đệ (đậu đầu).

Khoa Lộc Quyền phùng, Chu Bật hản nhiên nhập Tướng.

Khoa minh Lộc ám, vị trí Tam Thai (Khoa cư Lộc chiếu)

Tam Kỳ gia hội, mạc ngộ Kỵ Kinh, giáng lộ thanh vân.

Ngọ thượng Khoa Quyền, biên cương nhâm trọng.

Khoa Quyền củng bất như lâm viên (chiếu không bằng cư).

Khoa danh hãm vị hung thần, miêu nhi bất tứ (mạ nan không đẹp). Khoa Lộc giáp vị Quý cách.

Khoa Quyền nhập Mệnh, tuy lạc hãm, diệc hữu hiển danh.

Khoa Quyền Lộc trùng phùng, phúc khánh trùng lai.

Khoa Quyền nhân Khôi Việt, dĩ thành công.

Khoa Quyền đối củng, được tam cấp ư Vũ môn (vượt 3 tầng sóng ở ghềnh Vũ môn, thi đậu)

82. Hóa Kỵ

Bại tinh, Âm tinh. Chủ suy bại thị phi. Thủy đới Mộc.

Miếu Vượng: Thìn Tuất Sửu Mùi

Hãm địa: Tỵ Ngọ Thân Dậu.

Độc hiểm làm lẫn, gây tai nạn, ganh tỵ, xảo trá, thâm trầm, quan tai khẩu thiệt thị phi, phá tán.

Ở Tật thì nhiều bệnh. Ở Điền Tài thì giữ được của.

Tham Kỵ, Cự Kỵ thì tai nạn sông nước.

Mệnh có Kỵ, Tật có Mộc dục thì sa dạ con.

Hạn có Kỵ, thì nhiều tai nạn, nếu có Sát tinh.

Tượng là cái lưới, là chén thuốc độc.

Diêu Đà Kỵ là "Tam Ám" rất xấu.

Tử vi Tinh hoa 1

Gặp Thanh Long là rông mây gặp hội, rất tốt.

Ấn Mệnh thì hay đau bụng, có tật ở mắt hay tay chân, nhiều người ghét.

Ở Ty Hợi là sấm sét, bót hung.

Nhiều Cát tinh thì thành thông minh, khôn ngoan chín chắn.

Gặp Nhật Nguyệt đắc địa là mây ngũ sắc, gặp Nhật Nguyệt hãm là mây đen.

Nữ Mệnh tối hiềm Kỵ hãm.

Phú đoán:

Hóa Kỵ văn nhân bất nại (không nên gặp).

Hóa Kỵ Điền Tài phản vi giai luận (trở thành tốt).

Kỵ Cự Mộc cung như giao Đà Hổ, xa mà hạn hành.

Kỵ ngộ Khoa tinh cư Hợi Tý, ngôn hành danh thuận.

Vân đầu (Kỵ) khởi chương ư Thiên không, sở tuế hư **tư ư** hiên phụ (nghỉ nan)

Thân nữ nhi tối Kỵ hắc vân (mây đen tức Kỵ hãm)

Hóa Kỵ ngộ phục binh ư thê thiếp, hết oán hết thân.

Kỵ Hao ngộ phúc môn, tất hoại cơ nghiệp tổ tông.

Hóa Kỵ Thủy cung (Hợi Tý) điểm Nhật (làm hồng Nhật) ụy đồng (sợ cùng) Dương nhận chỉ giao xâm.

83,84. Bộ Địa Không, Địa Kiếp

Âm Hỏa. Dương Hỏa.

Hung tinh Ác tinh. Chủ phá tán gian tà.

Miếu Vượng: Ty Hợi Dần Thân.

Là bộ sao mạnh nhất trong các Hung Sát tinh.

Lợi hại, tàn ác, gian xảo, mưu trí, can đảm, gây tai nạn bản hàn, phản trắc yếu vong bệnh tật, thị phi quan tụng.

Tất cả các chính tinh cùng phải nể sợ.

Chỉ có Thiên giải Hóa Khoa mới giải được.

Ở Tài phúc thì xấu lắm. Thường có bệnh ngoài da.

Miếu Vượng ở Ty Hợi thì hoạnh phát nhưng không bền.

Gặp Hóa Kỵ thì trúng độc. Gặp Lộc thì tán tài.

Ở Mệnh thì yếu, dễ bị lừa gạt hoặc lừa gạt người.

Tử vi Tinh hoa 1

Mệnh giáp Không Kiếp thì lang thang chìm nổi.

Gặp Đào thì chết nước, gặp Hồng thì yếu tử.

Gặp Tả Hữu là kết bè đảng đi hại người.

Mệnh Không Thân Kiếp hay trái lại thì đa học thiếu thành.

Hãm địa thì nghèo khổ, bệnh tật tai họa.

Địa Kiếp có tên là " Kiếp Sát chi thần" độc hơn Địa Không.

Theo sách tào thì Thiên không đi với địa Kiếp không có Địa Không. Thiên đi với Địa kể cũng có lý.

Đây là bộ sao Âm Dương theo trục.

Phú đoán:

Kiếp Không giáp Mệnh vi bại cục, chủ bần tiện.

Địa Kiếp độc thủ, thị kỹ phi nhân (phải mình trái người).

Sinh sứ Kiếp Không do như bán thiên triết sĩ.

Tỵ Hợi Kiếp Không nhi phùng Quyền Lộc, hoành phát tung hoành.

Giáp không giáp Kiếp, chủ bần tiện.

Mệnh vô chính diệu hoan ngộ Tam Không, hựu Song Lộc phú Quý, khả kỳ (có lúc). Kiếp Không Phục Bình phùng Dương Nhận, lộ thượng kiếp đồ (cướp đường)

Kiếp Không lâm hạn, Sở Vương táng quốc, Lạc châu vong, Duyên châu vong (nàng Lạc châu chết, hay đất Duyên châu mất!). Kiếp phù Khốc Khách, mạc ngộ Cự Dương chung thân đa lệ (suốt đời khóc lóc).

Kiếp Không lâm Tài Phúc hương sinh lai bần tiện.

Tam Không bất Kỵ chủ sứ (Mệnh) vô hựu chính tinh.

Nhan Hồi yếu thọ, do hựu Đào Hồng Không Kiếp Đà Linh thủ mạng. Kiếp Cơ ngộ Hỏa, tất ngộ hỏa tai.

Địa Kiếp chủ đan tâm nhi phương lẫm (lòng dạ sắt son.)

Kiếp Không Tỵ Hợi đồng vị, tảo đạt công danh.

Dần Thân Không Kiếp nhi hội Cát tinh, thăng trầm vô độ.

Mệnh cung Hồng ngộ Kiếp Tham, do như lãng lý hành thuyền.

Kiếp Không hà hiềm Tỵ Hợi, Tướng Mã đồng cư nhi hội Khoa tinh, loạn thể phùng quân chi cách.

Kiếp Không giáp Mệnh, phi yếu tắc bần.

Thạch Sùng cự phú, hạn hành Địa Kiếp dĩ vong gia.

Tử vi Tinh hoa 1

Địa Kiếp địa không, Ty Hợi lưỡng nghi.

Địa Kiếp cư Phúc Đức nhi Hữu tai...

85,86. Bộ Kinh Dương, Đà La

Dương Hỏa đới Kim. Âm Hỏa đới Kim

Hình tinh Kỵ tinh. Trọ tinh Tài tinh.

Chủ phá hại, giết chóc, thịnh phát.

Kinh Miếu: Thìn, Tuất Sửu Mùi. Hãm: Tý Ngọ Mão Dậu.

Đà Miếu: Dần Thân Ty Hợi. Hãm: Thìn, Tuất Sửu Mùi

Dáng to cao hầu lộ mắt lớn nói cà lăm, lãng tai, chân tay có dấu vết.

Nóng nảy thô bạo dũng lược mưu trí kiêu căng.

Thường gọi là Hình Kỵ. Kinh có tên là Dương Nhận.

Kinh hợp tuổi Dương hóa khí là Hình. Đà hợp tuổi Âm hóa khí là Kỵ. Kinh gặp tuổi Tứ Mộ thì dừng mãnh để phát nộ. Đà gặp Mã thì có mưu trí nhưng phiêu bạt, nếu nhiều Sát tinh thì què, gặp Hung tinh hãm làm phản tặc, gặp Tham Kỵ dễ bị đui mù.

Kinh gặp Hổ Hình là anh hùng hay soán quyền, đi với Văn Đoàn là cách văn chương có hạng, gặp Tử Phủ Vũ là cách kinh thương lớn, ở Ngọ là cách "Mã đầu đới kiếm" rất oai danh nhưng giảm thọ, gặp Thiên Đồng thì trấn ngự biên cương, hãm ở Mão Dậu đi với Sát tinh thì tàn phế, tù đày khốn khổ. Có tin là Dương Nhận và "Bắc Đẩu phù tinh", tối kỵ nữ Mệnh.

Chủ phá tán nhưng có khả năng phù trì nên việc.

Kinh Đà gặp Vượng thì gù lưng, gặp Âm Dương thì kém mắt khắc cha mẹ, gặp Mã Sát thì què hay có tật.

Đi với Linh Hỏa thành bộ "Tứ Sát" thêm Không Kiếp là "Lục Sát", yểm trợ đắc lực cho cả cát hung.

Đây là bộ sao Âm Dương đi cặp.

Phú đoán:

Kinh Đà thủ Mệnh yêu đà bối khúc trận trung vong (gù lưng, chết trận).

Kinh Dương Tý Ngọ Mão Dậu, phi yểu triết nhi hình thương.

Kinh Dương cư Đoài Chấn (Dậu Mão) lục Canh lục Giáp phúc nan toàn (khi Lục Mậu là sai).

Dương Nhận hãm tu bi thiết, Miếu Vượng nhi hào kiệt dương danh. Kinh Dương nhập Miếu, phú quý thanh dương.

Tử vi Tinh hoa 1

Dương Đà Linh Hòa vị chi Tứ Sát, đơn phùng cơ tú nhi hữu duyên (bớt hung).
Đà la lâm phu vị, bắt tu quả tú diệc tăng bi (Không cầu có Quả tú cũng bị cô đơn bi sầu.)
Dương Đà Linh Hòa phùng cát phát tài, Hung tặc Kỵ.
Kinh Hòa đồng cung, uy quyền áp chúng.
Dương Linh tại Mệnh, lưu niên Bạch Hổ tai ương.
Kinh Dương phùng lực sĩ, Lý Quảng bắt phong (Tướng Lý Quảng có công mà không được phong tước vị).
Dương Đà giáp Kỵ vi bại cục, vi khát điệu (ăn mày).
Kinh Dương trùng phùng lưu Dương, Tây Thi đáo hạn vong thân.
Kinh ngô Đồng Âm nhi phùng Phượng giải, nhất thế uy danh.
Mã đầu đới kiếm, trấn ngự biên cương (Kinh cư Ngọ.)
Mã đầu đới kiếm phùng Sát, phi yếu triết nhi hình thương.
Kinh Dương phùng lực sĩ, sức địch vạn nhân.
Hinh (Kinh) Tù (Liêm) giáp Ân (Tướng) hình trượng nan đào.
Tứ Sát an tàng ư Vượng địa (ở yên).
Mệnh Kinh Đà gia Kiếp, thọ giảm.
Kinh Dương, Hòa Linh vi hạ cách.
Kinh Hòa Tuế khách gia lâm, văn tuế đa phòng tang sự.
Hinh ái Dương Đà, hưởng phúc ư ngũ tuần chi hậu.
Đà Kiếp trùng lâm, hạnh Thiên giải nhi khả cứu.
Kinh Đà Tướng giáp Mệnh, phá Điền Trạch ư phu quân.
Đà la cư Tứ Mộ, phi yếu triết nhi hình thương.
Dương Nhận phùng Nhật Nguyệt, phi yếu triết nhi hình thương.
Tật ách kiêm Đà Nhận, phản mục tật sầu.
Thốn Kim (Dậu) ám Kinh Dương, phản hiềm tao khổ.
Kinh Dương bắt nhi Nhật Nguyệt, bệnh tật triền thân.

87,88. Bộ Thiên Không, Quán Sách

Dương Hòa. Âm Hỏa.
Sát tinh. Không tinh. Chủ Phá tán trối buộc.
Miếu Vượng: Tý Ngọ Mão Dậu.

Tử vi Tinh hoa 1

Có tính như Tuần Triệt, Thiên Không phá tán, Quán sách trời buộc.
Phá tán trời buộc nhưng Miếu Vượng thì cần trọng, mô phạm.
Thiên Không có tên là " Không Vong chi thần", Miếu Vượng gặp Cát tinh thì uy dũng.
Hãm địa gặp Ác Sát thì gian phi, xảo quyệt.
Gặp Đào Hồng hỷ thì lại tài ba duyên dáng.
Thiên Không gặp Tử lại tăng thọ, gặp Đào thì thông minh.
Về già không nên gặp Thiên Không.
Thiên Không gặp Hồng lại giảm thọ, nên ẩn dật.
Mệnh Chủ Thân Chủ không nên gặp 2 sao này.
Mệnh Hỏa vô chính diệu gặp Tứ Không thì giàu tự nhiên.
Đây là bộ sao Âm Dương đi cặp.

Phú đoán:

Hạng Võ anh hùng, hạn đáo Thiên Không nhi táng quốc.
Mệnh vô chính diệu đắc Tam Không, phú quý khả kỳ.
Thiên Không Hóa Kỵ tối Kỵ Quan cung, nhi phùng Âm Dương phản bối (hãm) công danh
văn Tuế tất thành.
Vận ngộ Thiên Không địa Kiếp Nguyễn Lịch hữu bản cùng chi khổ.
Tam Không độc thủ, phú quý nan toàn.
Kim Lý (Thân Dậu) phùng Không bắt phiêu lưu tất đa tật đố. Thiên Không Quán Sách, bán
thiên triết sĩ (cánh).
Nên không Quán Sách Mệnh viên, chung thân phòng họa ách.
Thiên Không Đào Hoa hội Xương tại thê cung, thềm cung triết quế. (bể cảnh quế, lấy vợ
giàu đẹp.)
Giá tiền nhất vị Thiên Không.
Thân Mệnh nguyên lai bất khả phùng.
Nhị Chủ (Thân Mệnh chủ) Lộ Tồn nhược tự thủ
Diêm vương bất phạt (nể sợ) nể anh hùng (bạn là anh hùng.)

89,90. Bộ Hỏa tinh, Linh tinh

Dương Hỏa. Âm Hỏa.
Hung tinh. Chủ Sát phạt, hoạnh phát.

Tử vi Tinh hoa 1

Miếu Vượng: Dần Ngọ Tuất. Hãm địa: Thân Tý Thìn (!)

Phá tướng, lông tóc kỳ lạ, tay chân môi răng có thương tích, mặt hung dữ hoặc có dấu vết, tỳ tật, về hắc ám.

Nóng nảy uất ức căm thù nhỏ nhen phá tán ghen tỵ.

Thường mắc bệnh ghèn, khí huyết, thần kinh...

Giám thọ nên cũng gọi là "Đoản thọ tinh".

Hãm địa gặp Thiên Cơ thì điên khùng.

Miếu Vượng thì lại giải nạn, có chí khí, gan to mặt lớn.

Không nên ở các cung khác ngoài Thân Mệnh.

Gặp Tuế Hình thì ngã què. Trừ Mệnh không nên gặp.

Ở điền tài thì hao tán, gặp hỏa hoạn.

Linh Hỏa Miếu mà gặp Tham thì phát lớn, gặp Tướng Phá thì lại chủ thọ.

Hỏa tinh lại có tên là "nam đầu phù tinh".

Đây là bộ sao Âm Dương Tam hợp.

Phú đoán:

Hỏa Linh ngộ Phá Liêm, tu phòng họa hoạn.

Linh Hỏa miếu, vi nhân đảm lược (can đảm tài giỏi).

Hỏa Linh tương ngộ, danh chấn chư bang.

Hỏa Linh giáp Mệnh vi bại cục.

Linh Hỏa Hình Tang, tối hiểm Tử tức (hiếm, sút mẻ).

Hỏa tinh Linh tinh chuyên tai họa, Kiếp Không Thương sứ họa trùng trùng. Hỏa Linh Kinh Dương vi phá cách.

Hỏa Linh diện mục bi sầu. Linh Xương La Vũ, hạn chí đầu hà (chết nước), Hỏa diệu phùng Tuyệt diệu tại Hợi cung, nhi ngộ Tham Hình, uy danh quán thế.

91,92. Bộ Thiên Khốc, Thiên Hư

Âm Thủy đới Hỏa. Dương Thủy đới Hỏa.

Hung bại tinh. Chủ suy yếu, thảm khốc

Miếu Vượng: Tý Ngọ Mão Dậu

Nét mặt u sầu, da xám, mắt thâm quầng răng xấu, sàu thâm bệnh tật, gian xảo cản trở, đa sàu cảm, phá tán bại liệt.

Đắc địa thì có chí lớn, thích chính trị.

Tử vi Tinh hoa 1

Hãm địa thành cách " Mộc Bệnh Tử Tuyệt", xấu.

Miệng nói hung dữ nhưng lòng lại rộng rãi, nếu đắc địa.

Đắc địa thì ăn nói đanh thép, có mưu lược, mà từ tâm.

Ở Ngọ thì trước nghèo sau giàu, thêm Hình Mã thì tiếng tăm lẫy lừng. Cùng với Tuất thì khôn ngoan, mưu trí.

Cùng Khôi Việt Xương Khúc thì văn chương đanh thép.

Khốc Hư Tang Hổ thành bộ "Tứ bại"

Khốc Hư Điều Bệnh thành bộ "Tứ hung"

Khốc Hư cô Quả thành bộ " Tứ Nhược"

Gái gan dạ Khốc Hư đồng vị, trai đa tình Hợi Tỵ Song Hao.

Khốc gặp Mã Khách thì hiển đạt, gặp quyền thì oai danh.

Khốc gặp Cơ thì bệnh phổi.

Hư tại Mệnh gặp Tuất Phá thì răng xấu.

Hư hãm thì bất chính, ăn nói sai ngoa.

Đây là bộ sao Âm Dương dựa theo trục.

Phú đoán:

Khốc Hư Tý Ngọ, tiền bản hậu phú.

Khốc phùng Văn tinh, tảo danh vu thế.

Tý Ngọ Khốc Hư tịnh thú, nhất thế xưng hùng.

Chu Mãi Thần tiền bản hậu phú, áo hữu Khốc Hư chính hướng. Nữ Mệnh Khốc Hư tảo bạo.

Khốc Khách kiến Phù, mạc ngộ Cự Dương, chung thân đa lệ. Hư Nhận biếm vi lãng thuyết (bốn cột).

Khốc phùng Tang Hòa tại Phu cung, phu quân lưỡng mục bất minh.

Vật vị Khốc Hư ngộ hãm (đừng trông mong gì).

93,94. Bộ Cô Thân, Quả Tú

Dương Thổ. Âm Thổ.

Bại tinh. Chủ cô đơn, khắc khổ.

Cô đơn, tang thương, hà tiện, ích kỷ nhưng nghiêm cẩn.

Ở Điền Tài thì giữ được của. Nam kỵ Cô, nữ kỵ Quả.

Không nên ở Phúc Đức Phu thê Tử Tức (bị cô đơn).

Tử vi Tinh hoa 1

Hại cho việc đoàn tụ cưới hỏi.

Ở Mệnh thì ít hợp với ai, muộn vợ muộn chồng, hiếm muộn con, thêm Sát tinh thì là xấu tính khó chơi.

Ở Quan Lộc là hợp vị, xưng Cô xưng Quả.

Gặp Quý tinh thì vinh hiển, dũng mạnh.

Đắc địa, hợp vị thì cao sang nếu có Cát tinh, ngoài thì lạnh lùng nhưng trong thì lại tốt.

Đây là bộ sao Âm Dương Tam hợp.

Phú đoán:

Cô thân Quả tú, yếu thủ ư Điền Tài.

Cô thân Quả tú, khiết Ky **hoài tụ**.

Phu thê hiem Cô Quả.

95,96. Bộ Thiên Hình. Thiên Diêu

Dương Hỏa. Dương Thủy đối Hỏa.

Hình tinh, bại tinh. Chủ hình sự, lãng mạn cản trở.

Miếu Vượng: Dần Thân Mão Dậu Sửu.

a) Thiên Hình

Dũng mãnh phá tán, tai họa yếu vong, không sâu độc.

Chế ngự tính hoa nguyệt của Đào Hồng.

Đắc địa gặp Cát tinh thì hóa thành Thiên hỷ thứ hai.

Gặp Sát tinh thì yếu. Cùng Xương Khúc thì học giỏi.

Ở Tử Tật thì xấu, ở Điền Tài thì hợp vị.

Cùng Liêm ở Ty Hợi hay Sát ở Ngọ thì yếu triết, tù tội.

Binh Hình Tướng Ấn là bộ Tứ Dũng.

Gặp Lộc Y thì liên quan tới việc y dược, mổ xẻ.

Gặp Kinh Hỏa thì liên quan tới việc đao súng, thương tật.

Ở Dần Mão thì khôn ngoan, tài giỏi, anh hùng.

Đây là bộ sao Tam hợp.

b) Thiên Diêu

Sự mừng vui, chơi bời hoa nguyệt, có tín ngưỡng.

Nặng lòng tin, nhiều tình cảm, mê hoặc, trì trệ.

Tử vi Tinh hoa 1

Diêu Đà Ky là Tam Âm.
Đắc địa thì chìm vào tửu sắc cũng không hại.
Diêu Y Long Phượng là cách "Tứ Hỷ Tứ Vượng"
ở Hợi gặp Cát tinh thì rất minh mẫn.
Hãm địa có Sát tinh thì nguy khốn vì tửu sắc.
Nói chung gặp Cát tinh thì đẹp, gặp Sát tinh thành xấu.
Gặp Xương Khúc Đào Hồng thì lãng mạn và yếu.
Khảo cứu văn chương, phong tục, nếp sống tinh thần.
Đi với Tử vi thì "cương phụ tương tề"
Ở Điền Tài mà có Sát tinh thì phá cửa.

Phú đoán:

Hình Hỏa Ky phần Thiên Mã (đốt cháy Mã).
Thiên Hình Thất Sát, cương táo nhi cô (mạnh quá thành cô đơn)
Hình Dần Thân Dậu Mão, anh hùng.
Thiên Hình Thất Sát miếu viên, **đông vô ngừng xứ**.
Thiên Hình Thiên Diêu, Dậu Sửu tối cát.
Hình Sát hội, Long thần định giáng (oai phong)
Hình Ấn lai triều, Tướng Binh tọa chiếu, ái văn xưng võ.
Triệu Tử Long phùng Hán thị do ư Hình Quyền Tướng Ấn Sửu Mùi.
Diêu Ky tửu sắc chi đồ.
Thiên Diêu phùng Vũ diệu, lao bệnh triền thân.
Thiên Diêu Thiên hỷ, đa chiêu quái dị chi tai.
Diêu cư Tài Bạch họa đồ sinh ương.
Diêu tại Hợi vi minh mẫn.
Diêu Đà Ky kế giao họa vô đơn chí.
Diêu phùng Bạch Hổ ác tặc xâm tàng.

97,98. Bộ Thiên Đức, Nguyệt Đức (Bàng tinh)

Quý tinh. Chủ giải hạn. Dương Thổ.

Có đức độ, đoan chính, ưa cứu giúp, nặng về việc cưới hỏi.
Làm giảm lực của các Hung Sát tinh.

Tử vi Tinh hoa 1

Chế được tính hoa Nguyệt của Đào Hồng.
Nguyệt đức Hóa giải được tính xấu của Phá quân.
Cùng Long Đức Phúc Đức kết thành bộ "Tứ Đức" rất tốt.
Đi với Đào Hoa thì lấy chồng sang vợ đẹp.
Cùng với Giải thần thì giải được nhiều sự xấu.
Thiên Đức có ảnh hưởng về cha, Nguyệt Đức về mẹ.
Đây là bộ sao Tam hợp.

Phú đoán:

Thiên đức, Nguyệt đức tâm tính khoan hòa.
Thiên đức, Nguyệt đức hội đắc Giải thần phương phát phúc.

99,100. Bộ Hồng Loan, Thiên Hỷ

Âm Thủy đới Kim. Dương Thủy đới Mộc.

Quý tinh. Chủ thịnh phát, vui mừng.

Thêm Cát tinh thì phát sớm. Ở sữa Mùi thì không bền.
Gặp Không Kiếp Kinh Đà thì yếu. Nữ Mệnh thì 2 đời chồng.
Cung phúc của nữ Mệnh có Hồng loan là cách "Nga My tác ách", giàu sang tốt bực.
Cung phu có Hồng ở Tứ Sinh tứ Vượng thì tốt.
Cung phu có Hồng ở Tứ Mộ thì xấu.
Về già gặp Hồng Hỷ ở Tứ Mộ là vãn cảnh rồi.
Tam hợp với Tử vi biến thành cờ Tinh, cờ Tiết chỉ về mọi sự Cát Khánh.
Đây là bộ sao đối chiếu.

Phú đoán:

Hồng loan cư phu thê, chủ tiền khắc.
Thân Hữu Hồng loan kiêm Thai tọa, công danh tảo đạt.
Sở Hỷ giả, Hồng loan cư Tứ Vượng liệt phu quân chi vị.
Sơ ai giả, Hồng loan cư Tứ Mộ liệt phu quân chi cung.
Hồng loan cư Tý, thiếu niên định chiếm Khôi nguyên.
Nữ tử Hồng loan thủ Mệnh chủ nhị phu.
Hồng ngộ Cơ Thư ư Dần địa, hoan cận cửu trùng (cung vua).
Mệnh trung Hồng ngộ Kiếp Không, mạc đàm phú quý (yếu)

Tử vi Tinh hoa 1

Hồng loan phùng địa Kiếp u Phu cung, Mệnh hảo nhi bách bất hảo nhi thập (Mệnh tốt ở với nhau trăm năm, xấu thì 10 năm).

Hồng Đào mao phát như vân (lông tóc nhỏ như mây)

101,102. Bộ Thiên Tài, Thiên

Phù tinh. Chủ phù trì phước thọ. Dương Thổ.

a) Tài.

Bồi đắp phù trì, nên cùng Nhật Nguyệt lạc hãm.

Phù trợ đắc lực cho các chính tinh, tăng độ số Cát tinh.

(Thiếu 1 dòng cuối trang)

Đây là bộ sao tương hợp.

103,104. Quốc Ấn, Đường Phù

Dương Thổ đới Mộc. Âm Mộc.

Quý quyền tinh. Chủ công danh, phù trợ.

a) Ấn

Tư cách quân tử, lợi công danh, chủ về chính chức.

Tượng là ấn tín, con dấu. Ở Mệnh thì có thực quyền.

Binh Hình Tướng Ấn là bộ "Tứ Dũng"

b) Đường

Uy nghi đường bộ, lợi công danh, cao Dậu, nhà cửa.

Ở cung điền thì hợp vị, giữ vững cơ nghiệp.

Gặp Long Phượng Tướng Ấn thì làm hòa thượng.

Phú đoán:

Quốc Ấn tất phụ chức trọng quyền (phụ là nặng)

105,106. Bộ Thiên Khố, Thiên Thương (Lưu Xương)

Âm Kim. Dương Thổ.

Quý tinh Tài tinh. Chủ tài lộc.

a) Khố

Là kho chứa tiền bạc của nhà Trời.

Tử vi Tinh hoa 1

Nên ở Mệnh Điền Tài. Hợp với tuổi Giáp Kỷ.

Gặp Phủ Vũ Lộc Xương thì là tỷ phú.

b) Thương

Là kho làm chứa lương thực của nhà Trời. Viết Lưu Xương cho khỏi lộn với Thiên thương ở cung nô bộc.

Có sách ghi Thiên thương này mà bỏ Thiên thương ở cung nô bộc là không đúng. Xin nhớ là 2 chữ Thương khác nhau.

107,108. Bộ Cô Hình. Yết tán

Dương Kim. Dương Hỏa.

Là bộ sao tương hợp (đóng 1 mở như không sách)

a) Hình

Khắc nghiệt, cô đơn như cô thân thứ 2.

Hại cho đời sống xã hội và gia đình.

Thu hẹp lại, bó buộc mọi sự, gom góp lại.

b) Tán

Phá tan mọi sự, phơi bày, thả lỏng, hủy bỏ, nghiền nát ra.

109,110. Bộ Thiên Xá, Tang Xa

Dương Kim. Âm Thổ.

Là bộ sao tương hợp 1 đóng mở.

a) Xá

Độ lượng cứu giải của Thiên đình.

Giải trừ mọi tai nạn bệnh tật. Làm cho cao sang.

b) Xa

Sự đau thương, xa cách.

Và cũng là sự giải thoát, chấm dứt.

Gặp Tang Môn thì không tránh khỏi tang tóc ly biệt.

111. Lưu Hà

Ác tinh, chủ tai biến. Dương Thủy.

Tử vi Tinh hoa 1

Ác độc trì trệ, gặp Cát tinh và hợp vị thì thông minh, lưu loát, trôi chảy và tươi đẹp.

Đi với Kiếp Sát thì độc, chỉ điềm tai họa.

Gặp Thanh Long thì mọi sự hanh thông.

Cùng Mộc dục Thanh Long là tốt, nếu Kỵ và Sát tinh thì phòng tai nạn sông nước.

Ở Mệnh có nhiều Sát tinh thì đàn ông chết đường, nước, đàn bà chết khi lâm bồn.

112. Thiên Trụ

Cát tinh. Chủ thực lộc. Dương Thổ đới Kim.

Là cửa bếp của nhà Trời, chủ sự hưởng thụ.

Gặp lục sĩ thì mạnh khỏe, gặp Tham thì thích ăn nhậu.

113. Lưu niên văn tinh

Văn tinh. Chủ về văn học. Dương Hỏa.

Thông minh, sáng suốt, lợi cho việc học hành, thi cử.

Ở cung phúc là hợp vị.

114. Phá toái

Hung tinh. Chủ phá hại. Âm Hỏa đới Kim.

Phá hại, cản trở, ương ngạnh. Ở tật ách thì đỡ hại.

Vũ Diêu Toái thì nói ngọng, thêm Việt Kỵ thì câm.

Gặp Phá quân là "Toái quân lưỡng Phá" có Cát tinh thì là anh hùng tạo thời thế, rất mạnh.

115. Lưu tù

Hung bại tinh. Chủ tù ngục. Dương Hỏa.

Trói buộc, vây hãm, trì trệ, tù ngục làm hại Cát tinh.

Cùng Liêm Tham Kinh Phù càng thêm xấu.

116-118. Thiên, Địa, Nguyệt Giải

Dương Hỏa. Dương Thổ. Âm Thủy.

Quý tinh. Chủ cứu giúp giải nạn.

Thiên giải chế bớt tính xấu của Đà la và Địa Kiếp.

Tử vi Tinh hoa 1

Cùng giải thần, hội nhật giải thì cũng khá mạnh, trợ giúp chính tinh lạc hãm.

119. Đầu quân

Cát tinh. Chủ quyền lộc. Âm Hỏa đới Kim.

Cô độc, ty hiềm, khắc nghiệt, thiên về võ chức và tài lộc.

Không nên ở Tử Tức và phu thê. Ở điền tài thì tốt.

Ở Quan lộc hợp với Cát tinh tăng thêm quyền lộc.

Đi với Tử vi thì thành Kiện Tướng.

Tượng là cái đầu để đong lương bổng cho các Quan.

Có tên là Nguyệt Tướng (sẽ luận ở các quyển sau).

Phú đoán:

Đầu cư Thê cung, phú nhi cương ngạnh.

Tử Tức Kỵ Đầu quân chi sở điếm (làm hư hồng)

Đầu quân cư phu vị, vì nhân tắc cửu mộc nhi cô (vợ lớn mà bị cô độc).

120-123. Thiên Y, Giải thần, Âm khí, Bác Sĩ

a) Thiên Y

Xiêm y, quần áo tốt đẹp.

Diêu Y Long Phượng là cách "Tứ Vinh" rất quý hiển.

b) Giải thần

Là thần giải cứu, là sao giải mạnh nhất.

Gặp Đồng Nguyệt Kinh ở Ngọ thì oai danh lẫy lừng.

c) Âm khí

Hãm hại lén lút. Đi với Thiên Không dễ gây tai họa lan chóng. Ở cung nào cũng độc hại.

d) Bác sĩ

Thông minh, nhân hậu, phù trì cho Lộc Tồn thêm tốt đẹp.

Gặp Không Kiếp Diêu Kỵ thì yếu.

Phú đoán:

Bác sĩ hiếu ư hiệp bác (từ biện).

Bác sĩ hảo văn hảo võ, nhân tính thông minh.

Tử vi Tinh hoa 1

124, 125. Thiên thương. Thiên sứ

Cát tinh. Âm Thổ. Dương Thủy.

Chù tai nạn đổ vợ bệnh tật.

Gặp Sát bại tinh và Thái Tuế thì dữ lắm.

Thiên thương tối kỵ Khoa Xương, tuổi Bính và Thân.

Thiên thương ở Tỵ mà gặp Ác sát thì quá độc.

Thiên sứ gặp Tang Cơ thì bị té, bị đánh/

Thương gặp Cơ thì đau ốm, gặp Hao thì tai nạn. Chết đói.

Sứ gặp Cự Hình hay Quan phủ thì tù tội, tai nạn.

Làm giảm uy lực của Quý tinh Cát tinh.

Sứ mà gặp Thái Tuế thì nhất định có chuyện rắc rối.

126 - 129. Hoàng ân, Thần y, Thiên Nguyệt, Thiên Oa

Dương Thổ, Dương Mộc, Dương Thủy, Dương Kim.

a) Hoàng ân

Ân tứ của vua ban, của Trời cho.

Giải trừ tai nạn. Gặp Thiên xã thì thêm tốt.

b) Thần y

Thân về Y dược, chữa trị.

Đóng cung tật ách thì ít bệnh.

c) Thiên Nguyệt

Chủ về mọi việc, vui mừng và thuộc về cha mẹ. Tiểu hạn mà gặp thì có sự thăng hoa.

d) Thiên Oa

Mọi sự xa xôi, mơ hồ, không đúng.

Làm giảm lực của Cát tinh. Hạn mà gặp thì công việc khó thành, hữu danh vô thực.

130 - 132. Dịch Mã, Âm Sát, Khốc

Âm Hỏa. Âm Hỏa. Dương Hỏa

a) Dịch Mã

Chủ về sự đổi thay di chuyển.

Dùng coi đại tiểu hạn hợp hơn là Thiên Mã.

Tử vi Tinh hoa 1

b) Âm Sát

Tai nạn, đổ vỡ chết chóc,
Dùng coi về tiểu hạn thì hợp hơn. Có liên quan phái nữ.

c) Khốc Sát

Tai nạn đổ vỡ chết chóc quá độc.
Cùng các sao Sát khác thì nguy hiểm lắm.
Dùng coi về tiểu hạn thì đúng hơn

133 - 135. Hội giải, Khai mộ, Nhật giải

a) Hội giải

Giải nạn ban ơn, giáng phúc từ bên trong.
Hợp với các sao giải khác, coi về tiểu hạn thì hợp hơn.

b) Khai mộ

Cởi mở, thăng tiến, quật khởi.
Phù trì cho các Cát tinh, Quý tinh. Gặp sao Mộ là lưỡng Mộ phù cho Thai tọa Tả Hữu.

c) Nhật giải

Cứu giải giúp đỡ từ bên ngoài.
Hợp với các sao giải khác coi về tiểu hạn thì tiện.

D. Thiên La, Địa vãng

Có nghĩa là màn trời, lưới đất.
Làm trì hãm, trói buộc, trở ngại, nguy khốn.
Làm giảm uy lực của một số chính tinh.
Làm cho xấu thêm 1 số hung tinh.
Hạ đi tới đó rất xấu, lại xấu thêm.

Phú đoán:

Hạn trí Thiên la Địa Vãng, Khuất Nguyên nịch Thủy nghi vong

E. Mệnh chủ, Thân chủ

Coi như Tướng tinh của Mệnh Thân.

Tử vi Tinh hoa 1

Sau khi coi cung Mệnh và cung Thân, phối hợp xấu tốt với Mệnh chủ Thân chủ mà cân lường độ số.

G. Tuần Trung Không Vong

Triệt lộ không vong

Tuần chủ về vầy hãm, trói buộc, cản trở, vô hiệu hóa.

Triệt chủ về cắt đứt, phá tán, làm tan nát mọi sự.

Giảm bớt tốt và giảm bớt xấu. Không hẳn là đổi tốt thành xấu, đổi xấu thành tốt.

Có ảnh hưởng mạnh tới chính tinh, Mệnh và Hạn.

Mệnh vô chính diệu, cung thật ách, hung tinh và Nhật Nguyệt bị hãm... Cần gặp Tuần Triệt để giảm bớt xấu.

Mệnh Phúc Quan Tài và Tử Phủ mà gặp Tuần Triệt thì bị hại nhiều. Lúc thiếu thời thì cực, sau nhẹ bớt.

Tùy theo thuận nghịch, Tuần Triệt ở trước mặt thì hại nhiều, sau lưng thì hại ít.

Rất quan trọng nên trước hết phải lưu ý Tuần Triệt ở đâu đã rồi mới đo lường đoán định.

Phú đoán:

Tuần Triệt đương đầu thiếu niên tân khổ.

Tam phương xung Sát, hạnh nhất Triệt nhi khả bằng.

Tứ chính giao huy, ngộ tuần không nhi trực đối Kim.

Triệt đáo Kim cung, tuấn phùng Hỏa địa hay Mộc vị (triệt ở Thân Dậu, Tuần ở Thìn Tỵ hay Dần Mão thì bớt hung).

X

Tính năng của các sao như trên, nhất là về vị trí Miếu hãm, chỉ là tương đối. mặc dầu soạn giả đã đối chiếu trên 20 Quyển sách để sửa lại cho hợp lý hơn.

Chúng ta sẽ tìm yếu thêm nơi các quyền kế tiếp để được rõ hơn, bớt đi một phần sai lạc.

Đồ số 24: Vị trí Miếu Đắc Hãm của một số sao quan trọng

Tên sao	Âm dương	Ngũ hành	Tí	Sử	Dà	Mã	Thì	Tỵ	Ng	Mù	Th	Dậ	Tu	Hợ
Tử vi	Dương	Thổ	M	D	M		D	D	M	D	M			D

Tử vi Tinh hoa 1

Liêm trinh	-	Hoả	D	D	M	H	D	H	D	D	M	H	H	H
Thiên đồng	-	Thủy	D	H	M	D	H	D	D	H	M	D	D	D
Vũ khúc	-	Kim	D	M	D	D	M	H	D	M	D	D	H	H
Thái dương	-	Hoả	H	D	D	D	D	M	M	D	D	H	H	H
Thiên cơ	-	Mộc	D	D	H	M	M	D	D	D	D	M	M	H
Thiên phủ	Âm	Thổ	D	D	M		M		D	D	M		M	
Phá quân	-	Thủy	M	D	H	D	D	D	M	D	H	D	D	H
Thiên lượng	-	Mộc	M	D	D	D	M	D	M	D	D	D	D	H
Thiên tướng	-	Thủy	D	D	M	H	D	H	D	D	M	H	H	D
Cự môn	-	-	M	H	D	M	H	D	M	H	D	M	M	D
Tham lang	-	-	D	M	D	D	M	H	H	M	D	D	D	H
Thái âm	-	-	M	D	D	H	H	D	H	D	D	D	D	M
Thất sát	-	Kim	M	D	M	H	H	D	M	D	M	H	H	D
Kình	Dương	Hoả	H	M		H	M		H	M		H	M	
Đà	Âm	-		H	M		H	M		H	M		H	M
Không	Dương	-	H	H	D	H	H	M	H	H	D	H	H	M
Kiếp	Âm	-	H	H	D	H	H	M	D	H	D	H	H	M
Hoả	Dương	-	M			M			M			M		
Linh	Âm	-		M			M			M			M	
Tả	Dương	Thổ		M			M			M				

Tử vi Tinh hoa 1

Hữu	Âm	Thủy		M			M			M			M	
Xương	Âm	Kim		M			M			M			M	
Khúc	Dương	Thủy		M			M			M			M	

PHẦN TƯ

Chữ Tinh tại các cung số và phương vị

A. Tại các cung số

Tất cả 11 Cung Khái đều có ảnh hưởng tới Mệnh và phù trì cho lá số. Ba cung Quan Di Tài trực chiếu Mệnh là quan trọng hơn.

Các sách ghi rất nhiều chi tiết rườm rà và khó tin. Ở đây chỉ ghi lại những nét chính và khả chấp mà thôi.

1. Cung Phụ mẫu

Cung này cần có sao Phúc Thọ, không phải là thật tốt vì nếu cung này tốt quá thì cung Mệnh còn gì.

Nếu cung này đẹp thì có nghĩa là lúc sinh ra ta thì cha mẹ ta khá giả, nếu xấu thì cha mẹ gặp khó khăn hoặc là số ta có tương hợp hay xung khắc với cha mẹ. Lá số của các con đâu có đều giống nhau mà có thì coi cung Phụ mẫu mà đoán định rằng cha mẹ là quyền quý hay bần tiện...

Cụ Quản Văn Thịnh, tín giả sách Tử vi xuất bản năm 1935 cũng đã cho rằng cung Phụ mẫu Huỳnh đệ chỉ nên để dùng coi về Đại Tiểu hạn là đúng hơn.

Thiên Lương Thiên Tướng là chủ cung Phụ mẫu cha mẹ làm ăn khá giả, cha mẹ và con tương hợp. Vũ Khúc và Sát Phá Liêm thì cha mẹ sa sút, không hợp với con. Có Nhật (cha) hay Nguyệt (mẹ) hãm thì yếu.

Gặp Tuần Triệt thì khắc cha mẹ, cần đi xa cha mẹ thì bớt xấu cho cả cha mẹ và cho mình.

2. Cung Phúc đức

Cung này khá quan trọng và chỉ cho ta thấy rằng số ta còn đang được hưởng Phúc Đức của dòng họ hay không, hay là Phúc Đức ấy đã ứng cho (người trong họ nào khác). Cung Phúc tốt thì số ta còn đang được hưởng nhờ, Phúc xấu thì thôi ta phải thân tự lập thân.

Phúc Đức của dòng họ tốt hay xấu thì một phần đã bẩm sinh ra số mệnh ta rồi. Nay thấy cung Phúc xấu thì không có nghĩa là Phúc Đức của dòng họ đã tuyệt mà chỉ là không phù ứng cho đương số nữa, mà có thể đã phù ứng cho một người nào đó trong dòng họ. Cùng trong anh em, số ai có cung Phúc tốt là còn đang được hưởng Phúc, số ai có cung này xấu là thôi, chẳng ai giống ai. Không thể nói là thấy cung Phúc xấu là Phúc đã tuyệt.

Đã ghi cung này rất phức tạp nào là mồ mả mấy đời kết phát hay xung động nào là tuổi thọ, số đình... thật là vô căn cứ. Đó là dựa theo môn Phong Thủy, Địa Lý.

Tử vi Tinh hoa 1

Cung này cũng cần sao phúc thọ, đừng quá xấu thì đời mình mới dễ chịu, con cái sau này mới khá. Nếu Mệnh có xấu mà Phúc tốt thì cũng đỡ phần khổ, nếu Mệnh tốt mà cung Phúc lại quá xấu thì cũng vẫn bị vất vả, chật vật.

Thiên Đồng là Phúc tinh làm chủ cung này.

Tránh gặp Tuần Triệt Không Kiếp Bình Hình Tử Tuyệt.

Có sao Mộ là có mồ mả kết phát, ứng cho mình!

Có Thiên Cơ thì cũng hưởng Phúc trọn đời.

Nữ Mệnh mà cung Phúc có Hồng loan là cách "Nga My tác ánh" rất tốt. Nếu Mệnh tốt thì lấy vua.

Mệnh Thổ có Thái Dương miếu thì số ấy bảm sinh Phúc Đức mà ra, đời đỡ vất vả.

Thân cư Phúc Đức thì hên xui gì trong đời cũng do đó.

Mã Cơ Lương, số con gái hoang tàng.

Có Thái Dương và Đào Hồng là cách "Đào Hồng hướng Dương", Mệnh và phối cùng cùng tốt thì gái lấy vua, trai là Phò mã. Nếu có cô Quả là Cô Dương thì hiếm con cái.

Có Tràng Sinh Đế Vượng là Phúc đang lên.

Ở Dần Thân có Đồng Lương là cách "Phước ám đồng lâm" thì thật là Phúc Thọ.

Tham ngộ Tràng Sinh thì đại thọ.

Thân cư Phúc Đức mà vô chính diệu thì rất e sợ Sát tinh phải có Đà Không mới giữ được.

3. Cung Điền Trạch

Cung này chỉ về nhà cửa ruộng vườn cơ nghiệp, tốt thì to lớn, xấu thì tòi tàn. Nhưng nếu Mệnh xấu mà cung Điền lại quá tốt thì chớ mừng. Đó chỉ là đi ở mướn, ở công ốc, coi kho hay canh giữ dinh thự.

Thái Âm hay Thiên phủ là chủ cung này.

Có Đào Hồng Quang Quý Tang là được hưởng của thừa tự.

Có Linh Hỏa Tang thì cháy nhà, khánh tận gia tài.

Có Cô Quả Kỵ Đầu thì giữ được cơ nghiệp.

Gặp Phá Hao thì tổn hại nhiều, tay trắng.

Có Lộc Tồn thì dẫu sao cũng giữ được chút ít gia tư.

Phủ và Hình Kỵ Quả Tang thì ruộng vườn tươi tốt.

Ở Dần Thân mà gặp Không Kiếp thì xấu lắm.

4. Cung Quan lộc

Cung này chỉ về địa vị nghề nghiệp và bổng lộc của đời mình, cần phải tốt vì hợp chiếu Mệnh và có ảnh hưởng trực tiếp tới số phận.

Thái Dương hay Thiên Tướng là chủ cung này.

Mệnh không chính tinh mà cung Quan tốt hoặc chỉ có Thiên Tướng, Phong Cáo Quốc Ấn cũng làm nên được.

Có Đào Hồng cư Tý thì sớm đạt công danh sự nghiệp.

Có Hoa Cái hay Tả Hữu thì dễ thăng chức.

Có Thiên Tướng gặp Tuần Triệt thì dễ bị cách chức.

Thiên Lương cùng Tài Thọ thì làm thầy thuốc.

Có Phá Hao Dương Linh thì là số ăn mày.

Có Đà Khốc giáp Long Mã Nhật Nguyệt thì oai danh.

Ở Tứ Mộ thì thích điền viên không ưa đô hội.

Thân cư Quan lộc thì cuộc đời ràng buộc ở chốn Quan trường hay công việc làm ăn.

Ở Ty Hợi mà tuổi Sửu Mùi thì dễ lên.

Mệnh có Tử vi và sao Thai, tuổi Dần Thân thì tới năm Ty Hợi, Thìn Tuất thì tới năm Sửu Mùi sẽ xuất chính.

5. Cung Nô bộc

Cung này chỉ về người cộng sự cấp dưới, học trò hoặc bạn hữu và cả hầu thiếp nữa. Nếu cung này tốt thì ta có người cộng sự tốt và ngược lại. Nếu quá tốt hơn Mệnh thì ta phải đi cầu lỵ họ.

Có sao tốt mà hợp Mệnh, ta sử dụng được họ.

Có Đào Bình và Sát hung thì vợ phản, bạn phản.

Ở cung nào trùng với tuổi mình thì có nhiều người phá dưới tay mình.

Có Phá quân thì nhiều kẻ oán, mình thì bôn ba.

Có Hóa Lộc thì mình phải đi nhờ cậy họ.

Có Đào Hồng Cái Nguyệt thì 2 đời vợ hay 2 vợ.

6. Cung Thiên di

Cung này chỉ sự sinh hoạt ngoài đời cần phải khá vì tựa chiếu Mệnh và có ảnh hưởng trực tiếp tới đời ta.

Tử vi Tinh hoa 1

Ra ngoài có gặp nhiều sự tốt lành thì mới làm nên được. Có sách cho rằng cung này là đối thủ của mình cần phải yếu, thật là quái gở!

Có Thiên Lương là sao lành thì thường gặp quý nhân.

Giáp song Lộc là đắc cách. Có Thiên Cơ thì gặp may.

Có Đào Hoa thì lấy vợ phương xa. Có Hồng Vũ thì buồn vải vóc.

Có Phá thì vất vả bon chen, thêm Xương Khúc thì thích ngao du. Nhật Nguyệt Vũ thì ra ngoài không hay.

Có Tham Diêu Đà thì mở quán nhậu phát tài.

7. Cung Giải ách (Tật ách)

Cung này chỉ về tai nạn và bệnh tật phối hợp với cung Mệnh mà đoán định.

Dựa vào bản Mệnh, các sao ở cung Mệnh hợp với cung tật ách mà đoán bệnh nạn. Bản Mệnh là Hỏa thuộc Tim, cung Mệnh có Hỏa tinh, cung tật có Kinh Dương là sao Sát thuộc Hỏa thì có thể mắc bệnh tim và thần khí hoặc kém mắt, bị điện giật hoặc phỏng lửa... Hoặc dựa vào hình thể như Tuế Phá gặp Thiên Hư thì răng xấu, Quyền gặp Kinh Kiếp thì gò má cao, có vết tích.

Thiên phủ hay Tuần Triệt, các sao giải thì bớt bệnh nạn.

Song Hao Phá toái Thiên Không thì giảm bệnh.

Có Vũ Diêu thì tê thấp. Tử Tướng là bệnh ngoài da, ám tật bệnh trĩ. Thiên Cơ thì lở ghẻ, huyết khí. Thái Dương thì nhức đầu, kém mắt. Vũ Khúc thì chân tay có tật.

Đông Cự thì bệnh tâm khí thêm Diêu Đào thì bệnh tình, Bình Hình thì nói ngọng cà lăm. Liêm thì ghẻ lở, cùng Tham thì đau mắt. Thái Âm thì đau bụng, lao thương, bệnh đàn bà. Cơ Lương thì bệnh ở hạ bộ. Cự Kinh thì ung nhọt thêm Kỵ thì mặt có tì vết. Thất Sát thì bệnh trĩ và hạ bộ. Thì lá đầu sứt răng, nói cà lăm. Phá Liêm Hình Kỵ Kinh Đà thì điên khùng. Vũ và Không Kiếp thì bệnh trị suyễn. Hỏa Linh từ Mộc thì phỏng nước. Đà Mã thì có tật chân tay. Cô Khốc Hư thì phong cùi. Địa Kiếp thì mụn nhọt. Kinh Đà Dương Cái thì lên đậu mùa. Bệnh Phù Hình thì phong sang thêm Liêm thì ghẻ lở. Mã Hỏa Linh Tang thì bệnh lao có Tham thì ma tà. Kiếp Cơ thì huyết hư, trĩ, lên đậu. Hổ Hình thì trĩ mũi. Hình Khốc thì điếc. Cự Kỵ thì đau tai, mắt có vết, chết đuối. Tuế, Quan phủ thì tù tội. Mã Kinh Đà thì què. Liêm Kiếp Sát Không Kiếp thì bị đánh dọc đường. Lộc Tồn thì lúc nhỏ đã có bệnh thêm Sát tinh thì tay chân có tật mà sống lâu. Liêm Kỵ Hỏa thì tê thấp. Linh Hỏa Kỵ Liêm Phá thì tự vẫn. Hình Kinh Linh, Hỏa Việt thì sét đánh điện giật. Vũ Diêu Toái Kỵ thì câm điếc.

Ghi chú:

Mục này cần soát xét lại và chiêm nghiệm.

8. Cung Tài Bạch

Cung này chỉ về tiền bạc và của cải làm ra, cần phải tốt vì hợp chiếu Mệnh và ảnh hưởng trực tiếp vào đời.

Cần có Thiên phủ hay Vũ Khúc là Tài tinh làm chủ cung này.

Thân cư Tài Bạch thì cần có Đế Vượng nếu có Hỏa Kiếp Hao thì nên đi buôn bán.

Tuổi Dương nam Âm nữ thì dù cung này vô chính diệu cũng bớt lo.

Tuổi Ất mà có Không Kiếp thì nghèo khổ.

Có Thiên phủ thì Kinh doanh giàu lớn, gặp Hỏa Linh thì hà tiện, gặp Không Vong thì khó giàu và sạt nghiệp.

Có Kỵ Cô Quả Đầu thì giữ được của.

Tối Kỵ Phá Hao Không Kiếp, tán tài.

Cơ và Đế Vượng thì giàu lớn. Đồng Lương thì phong lưu.

Thiên Đồng thì tay trắng trở nên giàu có.

Gặp Liêm Tham ở Ty Hợi thêm Hổ thì vì tiền mà tù tội.

Có Diêu Khách thì vì cờ bạc, có Đào Hồng thì vì tình ái mà hao tán tiền của. Thái Dương thì giàu sang.

Cơ hoặc Tham mà thiếu Cát tinh thì không tụ tài.

Vũ Linh Hỏa Hình Kỵ thì vì tiền mà mang Hỏa.

9. Cung Tử Tức

Cung này chỉ về đường con cái.

Thái Âm hay Đồng Lương là chủ cung này.

Tránh gặp Phá quân là thần coi về Thi Tử.

Có sao Dương thì sinh trai đầu dễ nuôi.

Có sao Âm thì sinh gái đầu dễ nuôi.

Có Hung Sát tinh thì con vợ lẽ tốt hơn.

Kình Đà Kỵ có con tàn tật, điếc và xung khắc cha mẹ.

Hình Phi Đầu thì hiếm. Hỷ thần Dương thì nhiều và tốt.

Đồng Lương hay Tuyệt là có con thêm con hoang.

Nhật Thiên hỷ, Nguyệt Thiên Phúc, Nhật Nguyệt giáp Thai hay Tả Hữu thì sinh đôi, con 2 giòng.

Ở Mão Dậu có Quang Quý là có con cầu tự.

Tử vi Tinh hoa 1

Đào Hồng Kiếp thì có con sống con chết.
Nhiều Ác Sát thì Hữu sinh vô dưỡng.

10. Cung Phu thê

Cung này chỉ về chồng vợ và nhân tình.
Có Thiên Tướng là chủ cung này thì vợ đảm đang đoan chính.
Phá gặp Hình Phục Diêu thì vợ chồng hại nhau.
Đào Hoa là lấy nhau tự nhiên không mai mối.
Mã Kỵ Đà Tuần Triệt thì vợ bỏ nhà đi hoang.
Tham ở cung phu thì lấy làm lẽ mới tốt.
Thái Dương Song Hao thì lấy vợ không cưới.
Liên Trinh thì trắc trở, bần hàn. Cự thì bất mãn.
Thiên phủ thì vợ lẩn át chồng.
Cung Phu có Hồng loan ở Tứ Sinh tứ Vượng, thì tốt.
Cung Phu Có Hồng loan ở Tứ Mộ, thì xấu.
Hồng Kỵ thì vợ ngoại tình. Hồng Tả Hữu thì 2 đời.
Tử Đông Nhật thì nên lấy vợ muộn mới tốt.
Đào Hình thì 2 bên cùng dang dở mới tốt.
Tuế Xương Khúc thì vợ chua ngoa.
Tham Diêu Đà thì vợ chồng cờ bạc.
Cơ Lương thì khôn mà xảo, lại có bà con với nhau.
Thất Sát thì lấy người đã có một đời rồi mới tốt.
Thiên Hư thì bất chính. Sát quyền thì sợ vợ.
Cự Đồng cũng nên lấy người đã có một đời rồi.
Cự Linh Hỏa thì cưới hỏi 2, 3 lần mới thành.
Thân cư Thê là số nhà vợ, sợ vợ.
Tuần Triệt thì lấy người gần già.
Đào Hồng Thiên Nguyệt đức thì vợ đẹp, chồng sang.

11. Cung Huynh đệ

Cung này chỉ về anh chị em ruột hay 2 dòng.

Tử vi Tinh hoa 1

Có Thiên Cơ là chủ cung này thì tốt. Chỉ cần sao Phúc thọ, đây không phải là lá số chung của anh chị em mà biết số lượng mà chỉ là sự hoà hợp hay xung khắc giữa anh chị em mà thôi (như cung Phụ mẫu).

Tham Lang thì ít hợp với anh chị em.

Tuần Triệt thì anh chị trưởng bỏ nhà gia đi (!)

Lộc Tồn thì ít anh em, có người khá giả.

Thái Âm Thiên Phúc Đế Tướng Thai thì có anh em 2 dòng.

Đối cung huynh đệ là cung Nô bộc cũng nói về dị bào (2 dòng).

*

Nói chung thì chư tinh cần đóng đúng phương vị như: Quý tinh ở Mệnh Quan Phúc tật, Quyền tinh ở Mệnh Quan, Tài tinh ở Tài Điền... Thì mới có đủ hiệu lực.

B) Các bộ sao và cách cục

Các sao quan trọng thường hợp thành bộ, mỗi bộ là một cách cục, có tốt có xấu, có mạnh có yếu...

Được đủ bộ thì các sao sẽ tăng hiệu lực và hợp thành cách Cục: Phúc thọ, Phú Quý, yếu triết, bản tiện...

1) Bộ sao	Cách Cục tốt	Tính chất
Từ Phủ Vũ Tướng	Đế tượng cách	Phúc Lộc Thọ
Cơ Nguyệt Đồng Lương	Văn Đoàn	Văn học
Sát Phá Liêm Tham	Võ bị	Võ chức
Cự Nhật, Nhật Nguyệt	Văn cách	Văn học quý hiển
Cơ Cự Đồng Lương	-	Quý hiển
Sát Phá Tham Vũ	-	-
Long Phượng Hổ Cái	Tứ Linh	Oai hiển giải nạn

Tử vi Tinh hoa 1

Bình Hình Tướng Ấn	Tứ Dũng	Võ dũng
Diêu Y Long Phượng	Tứ Vinh	Vinh hiển
Thiên Nguyệt Long Phúc Đức	Tứ Đức	Phù trợ
Thiên Địa Nhật Nguyệt Giải	Tứ giải	Phù trợ
Lộc Mã Tướng Ấn	Tứ Quý	Quý hiển
Tả Hữu Long Phượng	Tứ trụ	Quý hiển
Khôi Việt Xương Khúc	Tứ hiền	Văn học
Hồng Đào Tấu Vũ	Tứ Ân	Văn nghệ
Mộ Thai tọa	Mộ trung Thai tọa	Quý hiển
Âm Dương Hóa Kỳ	Khánh vân phùng Nhật Nguyệt	-
Đào Hồng Nhật	Đào Hồng hưởng Dương	-
Xương Khúc Nguyệt	Khai hoa hỷ nguyệt	-
Linh Hỏa Tham	Linh Hỏa phùng Tham	-
Đào Hồng Hỷ	Tam minh	-
Mã Khốc Khách	Mã phùng Khốc Khách	-
Tuế Xương Khúc	Tuế phùng Xương Khúc	Văn học
Khoa Quyền Lộc	Tam Hóa, Tam Kỳ	Phúc Lộc Thọ
Khoa Quyền Lộc liên cung	Tam Hóa liên châu	-
Quang Quý Sửu Mùi		quý hiển
Tham Hỏa	Tham Hỏa tương phùng	-
Tham Linh	Tham Linh tịnh thủ	-
Thiên Tướng, Tướng quan	Lưỡng Tướng	-

Tử vi Tinh hoa 1

Cự Cơ Mão Dậu		
Cơ Lương Thìn Tuất		
Đồng Lương Dần Thân		
Tham Vũ Sửu Mùi	Tham Vũ đồng hành	
Tham, Sinh	Tham ngộ Tràng Sinh	Thọ
Tồn, Mã	Lộc Mã giao tri	Phú quý
Hóa Lộc Lộc Tồn	minh Lộc ám Lộc	-
Khoa Lộc	Khoa minh Lộc ám	-
Hóa Lộc Lộc Tồn	uyên ương Lộc hội	
Tham Khoa	Tham Khoa cách	
Cơ Quyền		
Kỵ Quyền		
Kỵ Khoa	Kỵ ngộ Khoa tinh	
Quyền Sát		
Phủ Tướng	Phủ Tướng triều viên	
Thiếu Dương, Âm giáp Tử vi	Kim dư phù giá	
Thiếu Dương, Âm giáp Hóa Khoa	Tam tài cách	
Tử vi ở giữa Thân Mệnh	Bả Tử vi cách	
Hóa Lộc -	bả Hóa Lộc cách	
Nhật Nguyệt đắc địa	Nhật Nguyệt tịnh minh	
Khôi Việt	Tọa Quý hướng Quý	
Mã Sinh	Mã ngộ Tràng Sinh	phú quý

Tử vi Tinh hoa 1

Song Hao Mão Dậu	chúng thủy triều đông	
Tả Hữu Tứ mộ		
Thai tọa Tứ Mộ		
Mệnh ở giữa các Mã	tiền Cái hậu Mã	
Thanh Long Hóa Kỵ	Long vân khánh hội	
- Lưu Hà		
- Mộc dục		
Thanh Long, Long đức ở Thìn	Song Long nhập uyển	Quý hiển
Hổ Phi	Hổ ngộ phi Liêm	oai danh
Hổ Kinh, Hình	Hổ hàm kiếm	-
Hổ cư Dậu	Bạch Hổ khiếu Tây phương	-
Hổ Tấu, Hổ Cái	Tấu Cái, Cái Mã...	-
Phá quân Phá toái	Toái quân lưỡng Phá	-
Tử vi Tấu thư	thần đồng khu nhĩ	thông minh
Đào Phi		gặp thời
Mệnh ở giữa Hình Ấn	tiền Hình hậu Ấn	oai danh
Hỏa Tuyệt		hiên ngang
Binh Tướng	nội Tướng ngoại binh	-
Thanh Long Bạch Hổ	Long Hổ hội	-
Tả Thanh Long, Hữu Bạch Hổ		-
Khốc Hư Tý Ngọ		phú quý
Kiếp Không Tỵ Hợi		-

Tử vi Tinh hoa 1

Vũ Khúc Văn Khúc	văn võ toàn tài	-
Nhật tại Ngọ	Nhật lệ trung thiên. Kim sát quang huy	
Nhật tại Mão	Nhật xuất lô môn, Nhật xuất phù Tang	
Nguyệt tại Tý	Nguyệt cư thượng hải	
Nguyệt tại Hợi	Nguyệt lãng Thiên môn	phú quý
Kinh ở Tứ Mộ	Kinh Dương nhập Miếu	-
Đà la ở Mệnh vô chính diệu	Đà la đắc thủ	oai hiển
Đà Khúc cư Quan Lộc		
Nhật Nguyệt giáp tài		phú quý
Diêu Y cư Tuất		cao sang
Tử hồng thân thượng		thọ
Quan Phúc	song quý tam cung	phú quý
Thiên Tướng Sửu Mão	(Tuổi Canh Tân Nhâm Quý)	thọ
Thất Sát Dần Thân	triều đầu	quý hiển
- Tý Ngọ	ngưỡng đầu	-
Tử vi Phụ Bật	Phụ Bật củng chủ	-
Đồng Kinh cư Ngọ		oai danh
Đào Hồng cư Tý		sớm đạt
Liêm Trinh Dần Thân	hùng tú triều viên	phú quý
Xương Khúc cư Phúc Đức	ngọc trụ kinh thiên	-
Hồng loan -	Nga My tác ánh	-

Tử vi Tinh hoa 1

Tử vi cư Ngọ	Thiên phủ lâm tuất	-
Tử vi Thiên Mã	Tử Mã nhất ban	-
Phá quân Tý Ngọ		-
Suy Không Kiếp		thông minh
Khốc ngộ Văn tinh		quý hiển
Thiên hỷ, Hỷ thần	Song hỷ	hanh thông

Giáp Tử giáp Phủ	Giáp Xương giáp Khúc
- Nhật - Nguyệt	- Khoa - Quyền
- Tả - Hữu	- Hồng - Lộc
- Quý - Lộc	- Long - Lộc
- Thai - Tọa	- Long - Phụng
- Khôi - Việt	- Quang - Quý
- Lộc - Mã	- Long - Hổ
- Đào - Hồng	

2) Các cách cục xấu

Giáp không giáp Kiếp. Giáp Hỏa giáp Linh

Giáp Hình giáp Tù. Giáp Hình giáp Ky.

Khốc Hư Điều bệnh, Tứ Hung

Mộc Bệnh Tử Tuyệt, Tứ Suy.

Đào Hồng Không Kiếp, Tứ Vong.

Khốc Hư Tang Hổ, Tứ Bại.

Kình Đà Linh Hỏa, Tứ Sát, thêm Không Kiếp, lục Sát.

Cơ Lương Kình Đà, ở Sửu Mùi, yếu bản.

Phá Ky Xương Khúc, ở Sửu Mùi, **sát**

Tử vi Tinh hoa 1

Tướng Liêm Hình Tuế, tù tội.
Mã Đà Không Kiếp Tuần Triệt, tai họa.
Mã ngọ Không Vong, - .
Điều Đà Kỵ, Tam Âm.
Tham Liêm, Ty Hợi, Tù.
Tham Sát Dần Thân, bạc tình.
Phá quân Thìn Tuất, bất nhân.
Nhật Nguyệt hãm, Âm Dương phản bội.
Tham Hao, đối trá, nghèo.
Xương thương, Kỵ nhất tuổi Bính tuổi Thân.
Tang môn cư Thiên la, cha chết.
Quan phù cư Địa Vong, tù tội.
Đồng Lương Tuần Triệt, tù tội.
Mệnh không Thân Kiếp và ngược lại, trừ tuổi Tứ Mộ (bất hiển)
Thiên Tướng Hung Sát tử ư nghiệp.
Sát Phá hay Linh Hỏa gặp Tuế Kinh Đà, tù tội.
Kinh Dương cư Ngọ thêm Sát, yếu.
Mệnh Cự Hỏa Kinh gặp hạn xấu, tai họa, tự vẫn.
Lộc gặp Không Kiếp, khổ vì của.
Song Hao Tuyệt ở Quan Lộc, ăn mày.
Cự Kinh Đà, ốm yếu.
Liêm Sát Hình, Tướng Liêm Hình Tuế, tù tội.
Tuế Hình Đà, rất độc.
Tuế Đà ở Tứ Mộ, yếu.
Nhật Nguyệt hãm gặp Kinh Đà, đui mù.
Mã ngọ Không Vong, bỏ xứ mà đi.
Kênh hãm gặp Không Kiếp Kỵ, chết phí mạng.
Bệnh Phù Hình, phong sang.
Mã Linh Hỏa Tang, ho lao.
Binh Diêu Kỵ Kiếp Kinh, gian phi.
Đào Mã Lương Tuần Triệt, hoang dâm.

Tử vi Tinh hoa 1

Thiên hỷ Đào Diêu Không Kiếp, chết vì chơi bời.
Toái Hỏa Hình, chết vì ác tật.
Kình Đà, Diêu Ky, điếc, cà lăm.
Vũ Diêu Việt Toái Ky, câm.
Tuế Diêu Cái Đà Ky, câm.
Cơ Hỏa, bệnh tâm thần.
Kình Đà Cái Dương, bệnh Đậu mùa.
Sát Hổ Phù Hình, tù tội.
Tham Xương Dần Thân, rất độc.
Tham Vũ Xương Khúc Ky, chết nước.
Tham hãm Ác Sát, đồ tể.
Cự Kình Đà, bần tiện.
Vũ Phá gặp Ky, yếm trá.
Thiên Không thì phải bồng gặp Thái Dương lại tốt.
Nam gặp Thai (bất hiển), nữ Mệnh gặp Mộ (đảm đang).

3) Thập cách luận

- 1) Thọ: nam nhân có Đồng Lương, Bắc nhân có Tử Phá Vũ Tham.
- 2) Thông minh: Xương Khúc, Tướng Phủ, Vũ Phá, Thai Tọa, Tả Hữu
- 3) Uy dũng: Vũ Xương Kình Sát thêm Quyền Lộc Phủ chiếu.
- 4) Văn cách: Xương Khúc Tả Hữu Khôi Việt thêm Tam Hóa chiếu.
- 5) Vũ chức: Vũ Sát thêm Quyền Lộc Khôi Việt chiếu.
- 6) Hình cách: Kình Đà Hỏa Vũ Phá
- 7) Phú quý: Tử Phủ Vũ Tướng, Tam Hóa, Âm Dương Xương Khúc Tả, Hữu Khôi Việt.
- 8) Bần tiện: Kình Đà Liêm Sát Vũ Phá Không Kiếp Ky.
- 9) Tật yếu: Tham Liêm Hình Đà Hỏa Linh Không Kiếp Ky.
- 10) Tăng đạo: Cơ Lương Ác Sát, Tử Tham Ác Sát

C) Nhập hạn

Khi coi hạn cần đối chiếu giữa cung Mệnh và cung hạn, giữa Mệnh và sao nhập hạn... Coi có sinh khắc ra sao rồi mới đoán định độ số tốt xấu được.

Tử vi Tinh hoa 1

Coi cung hạn có phải là Sinh Vương Bại Tuyệt địa của Mệnh không.

Đại tiểu hạn trùng phùng (cùng một cung) thì độ số gia tăng. Khi đã ngoài 13 tuổi thì không bao giờ chết khi năm hạn về cung Mệnh, dù có xấu.

Hạn tới cung số nào thì mọi việc sẽ liên quan tới cung số ấy nhiều hơn. Thí dụ: hạn tới cung tài, sẽ có hên xui về tiền bạc.

Mệnh có Hung Sát, hạn lại thêm Hung Sát cho đủ bộ thì quá độc và ngược lại.

Mệnh tốt gặp Hồng Xương Tấu Hình thì đại phát.

Mệnh có Vũ Tướng, gặp hạn xấu cũng bớt lo.

Mệnh có Hung Sát, hạn gặp Vũ Tướng cũng giải được.

Mệnh có Cơ Lương, hạn gặp Sát Phá hãm thì không đỡ nổi.

Mệnh có Sát Phá, hạn gặp Cơ Lương cũng không phát nổi.

Mệnh có Tử Phủ, hạn gặp Sát Phá Miếu thì đại phát.

Mệnh có Vũ Phá, hạn gặp Tả Hữu thì khá.

Mệnh có Nhật tại Ngọ, hạn gặp Hình Tang Hồ Khốc thì phát.

Mệnh có Tuế Đà Cự Ky, hạn gặp Tuế Đà phù thì quan tọng.

Mệnh có Sát Hình Linh, hạn gặp Hồ thì tù.

Mệnh có Phá Hỏa Tuyệt thì giỏi về cơ khí, hạn gặp Mã Tuyệt và Sát tinh thì có tai nạn nghề nghiệp.

Mệnh có Tướng Liêm, hạn tới La Vọng gặp Tham Linh Kinh Đà thì chết không toàn thân.

Hạn gặp Liêm Hồ Diêu Linh thì khó nuôi con, chỉ có Khoa Phượng mới giải được.

Hạn gặp Lộc Hao Sát Phá thì tán tài.

Sát Phá Tham là hạn Trúc la thì xấu.

Sát Phá Liêm Cự Hỏa Linh thì chết.

Túy Hồ Bệnh thì đau ốm. Đồng Ky Kinh thì chết nước.

Thương Sứ Tuế Kinh Đà tại Tý thì chết.

Hỏa Linh hãm thì quan tai khẩu thiệt, thêm Ác Sát thì có đại tang.

Cự Ky thì sông nước, tang thương, quan tọng.

Đồng Cự Đà Tử Tuyệt thì dễ chết.

Tuổi Ất Kỷ Âm nam, Mệnh Mùi Sửu có Liêm hay Sát là trí dững, hạn gặp Khoa sinh thì đại phát.

Đào Hồng Khôi Việt Tam Hóa Thai cáo Ấn Long thì thăng quan.

Tử vi Tinh hoa 1

Diêu Hỷ Đào Hồng Long Phượng, Sát Phá Liêm Tham thì lấy vợ sinh con. Hỏa Linh Đà có kiện cáo.

Phá Liêm Tham Diêu Kỳ, thì phỏng nặng.

Liên Tham Tỵ Hợi hay Kinh Đà Mão Dậu thêm Không Kiếp Hình Kỳ Hổ Tuất Phù Sửu thì tai họa lớn.

Sát Phá Tham, Tang Hổ Khốc Hư Tuất Khách Kinh Đà Thương thì tang thương, Tang Mã thì súc vật toi.

Mệnh vô chính diệu, hạn gặp Hung Sát thì khó tránh.

Cơ Lương Diêu Kỳ thì làm ruộng được mùa.

Tham Vũ Cơ Hình thì làm nghề phát đạt.

Long Phượng Việt Lộc Mã thì đi buôn phát tài.

Diêu Tuất Hình Kiếp Kỳ Quan Phúc Quang Quý thì chữa bệnh mát tay. Hỏa Linh Đà gặp kiện Cáo.

Đại tiểu hạn cùng gặp Tứ Sát thì chết.

Hổ Hình Kinh Đà cũng dễ chết.

Tham Hổ và Ác Sát thì phòng thú vật va chạm.

Tuế Phủ Hổ phù thì kiện tụng thị phi.

Tướng gặp Không Kiếp Tuần Triệt thì mất chức.

Song Hỷ Thanh Long thì sinh con tốt.

Khốc Hư, Tang Hỏa, có tang. Tang Hổ Phủ Khách, tang thương.

Bệnh Phủ Không Kiếp Hình Kinh Đà thì bị phong cùi.

Mã Tuần Triệt Tả Hữu thì tai nạn liên tiếp.

Hỏa Linh **Tứ Mộc** thì phỏng nước, **át kết**.

Vũ Diêu Lộc Tồn hoặc Mã Hỷ Đào thì cưới hỏi.

Tham Xương hãm thì vô nhà thương. Vũ Kỳ Quyền thắng chức.

Cơ Lương Hình Hỏa thì tổn hại. Cơ và Cát tinh thì làm nhà.

Mộc dục và Sát tinh ở Phúc Đức thì tai biến.

Âm Kỳ thì sinh đẻ khó. Tham Thai thì bệnh hậu sản.

Thương Sửu Cơ Kinh đánh lộn. Cự Nhật thì thăng chức.

Già gặp Cơ và Ác Sát thì tới số. Thiên Đồng có sự thay đổi.

Tang môn mà Mộc bệnh thì 2 tang. Bạch Hổ mà Kim Mệnh thì 2 vợ.

Tử vi ở Mão Dậu thì yếu. Sát Phá nhiều âu lo.

Tử vi Tinh hoa 1

Liêm Trinh ở Ty Hợi thì giao du bất lợi.
Vũ Khúc hay Thái Dương và Cát tinh thì thắng tiến.
Thiên Cơ hãm mà đại hạn cũng xấu thì chết.
Thiên Phủ gặp Tam Không Phá sản. Thái Âm thì hoạnh phát.
Thất Sát ở Thìn Tuất mà đại hạn xấu cũng chết.
Thiên Lương thì giải nạn, nếu ở Ty Hợi thì có thay đổi.
Thiên Tướng dù mờ ám cũng bớt lo.
Cự môn tại Thìn Tuất, nếu đại hạn xấu cũng chết.
Tham lang và Cát tinh thì hoạnh tài mà dễ tai nạn.
Tuổi Thìn Tuất Sửu Mùi ít sợ Kinh Dương (Miếu ở Tứ Mộ).
Tuổi Thân thì sợ Thương, Linh Hỏa.
Tuổi Tứ Sinh ít sợ Không Kiếp (Miếu ở Tứ Sinh).
Tuổi Ngọ Sửu thì sợ Thất Sát.
Tuổi Mão Dậu thì sợ Kinh Dương (hãm ở Mão Dậu)

D) Hình tính người

Các sao Kim Mộc thì coi về hình, sao Thủy Thổ coi về tính, còn sao Hỏa thì coi về tinh thần.

Tứ Sát Phá thì nham hiểm	Liêm Tham thì gian xảo
Liêm Phá thì vô tâm	Cự Cơ thì đẹp và môi thâm
Lương không Hao, tai nhỏ, mắt to	Lộc Tồn đôn hậu mà tham
Mã Bệnh Phù Đà Kỵ, gù và tê thấp	Hổ thì trán sồi, mắt lộ
Quan phúc hay cúng bái	Đào Hồng vui buồn thất thường
Cự Nhật nói khéo và chơi bời	Tham Vũ Lộc râu quai nón
Việt Đào khéo nói	Mộc dục làm dáng chải chuốt
Lâm quan hay khoe khoang	Tấu thư nhiều người mến

Tử vi Tinh hoa 1

Thanh Long hoạt bát	Thái Tuế ít người ưa
Đế Vượng hiền lành	Tử Sát thì nhút nhát
Đồng Âm xuân sắc lâu phai	Tuế Đà thì nói láo
Phá quân cao lớn, sâu hiểm	Kình Hư nói khoá
Vũ Cơ có biệt tài	Đà Kỵ râu tóc đỏ
Tử không thì thọ	Hỏa Linh mặt nhăn nhó
Hỷ thần cổ cao lông rộng	Diêu Kỵ ư tửu sắc
Tuần Triệt lòng không ổn định	Lộc Mã thì trục lợi
Tang Hổ vô tâm, uyên bác	Phi Liêm tóc dài
Suy bệnh gầy yếu	Nguyệt Lương hiểu sắc
Phá toái hay mơ màng	Cơ Hồng có tài văn nghệ
Cự Kỵ tính lừng khừng	Tham Lương thích ăn nhậu
Tuế Hư nói dóc	Bình Hình nói nh
Hình Sát thì tháo vát	Diêu Đà tóc đen
Không Kiếp Kỵ da đen	Tuế Phá nói lớn
Phúc Tẩu lang thang	Tham Tuế mảnh lờ
Điếu Quan phù cờ bạc	Tuyệt Hỏa hiền ngang
Vũ Kỵ mặt đen	Cự nhu nhược
Sát Hỷ nhã nhặn	Phá Liêm, Liêm Tướng quân, thô
Hao thấp nhỏ	Triệt ở Thân Dậu sáng suốt
Ở Tỵ Ngọ thì hiền ngang	

E) Bộ phận trên người

Tử vi Tinh hoa 1

Thiên Khôi, đầu	Thiên Việt, vai.
Thiên Tướng, mặt	Tam Thai, trán.
Bát tọa, cằm	Tuế Phá, răng.
Thái Âm mắt trái	Thái Dương mắt phải.
Phi Liêm, tóc	Lâm Quan, cổ.
Long trì, vú	Phượng các, tai.
Hóa Lộc , râu	Cự môn, miệng.
Hóa Kỵ, môi	Thiên Đồng, má.
Văn Xương bụng	Thiên Diêu ruột
Vũ Khúc nốt ruồi	Song Hao mũi.
Hóa Quyền gò má	Tham lang nách
Đế Vượng lưng	Thiên Mã chân tay.
Bạch Hổ Xương gân	Thiên la, Thai rốn
Kình Dương dương vật	Hỷ thần cái trĩ
Phá toái cuống họng	Thiên Đồng bộ tiêu Hóa
Tả Hữu lông mày	Thiên Hình da dẻ

G) Vật dụng

Hồng loan, vải vóc / Thiên Hình, dao kéo.

Thiên Cơ, máy móc / Thiên Mã, xe cộ.

Kình Dương, dao búa/ Quốc Ấn, con dấu

Thiên Tướng, bút viết/ Tấu thư, giấy tờ

Đà la, mực viết/ Quang Quý thư tín.

Khôi Việt bằng sắc / Vũ Khúc, nhạc khí

Tử vi Tinh hoa 1

Thiên Khốc , lục lạc / Thiên y, quần áo
Nguyệt, gương soi / Phá toái lược chải
Thai tọa bàn ghế / Đường phù nhà cửa
Lộc Tồn nồi niêu / Thương khổ nhà kho
Đầu quân chén bát / Long Phượng giường mùng
Hỏa Linh đại bếp / Hóa Lộc thức ăn

*

Tất cả mấy mục trên cần chiêm nghiệm và xét lại.

PHẦN NĂM

A) Tổng phú đoán (chữ Hán)

1) Mệnh hảo bất như hạn hảo. Thân hung bất nhược vận hung.

- Hung tinh đắc địa phát dã như lôi.

Cát tinh hãm địa tầm thường sự nghiệp.

- Khốc Hư, Tý Ngọ đồng cung, tiền bản hậu phú

Kiếp Không Ty Hợi đồng vị, hoạnh phát công danh.

- Đào Hoa cư quan, tảo tuế đắc quan hành chánh (phát sớm).

Hồng loan cư Tý, thiếu niên định chiếm Khôi nguyên (đỗ đầu).

5) Thiên Cơ tại viên (Mệnh) xảo tài xuất chúng.

Thiên Mã nhập Mệnh, mẫn tiệp đa năng.

- Mã ngộ Tràng Sinh, thanh vân đắc lộ (đường công danh), Thiên Diêu tảo bạch, họa đồ sinh ương.

- Mệnh ngộ Mã Lương tủng du vô yếm (chơi bời không chán.)

Thân cư Vũ Khúc, hắc tử trung tàng (nốt ruồi kín).

- Hoa Cái Thiên di, xuất ngoại cận quý

Mộc dục thủ Mệnh chỉ hiếu dã dong (Cung) (chải chuốt).

- Thân cư Thái Tuế, dữ nhân quả hợp (ít hợp với ai)

Mệnh phùng Thiên cư Miếu Vượng đa năng (nhiều tài).

10) Khôi Việt cư Thân, ư gia quốc, tức vi nhân trường

Khoa Quyền nhập Mệnh, tuy nhàn lạc, diệc hữu hiển danh.

Tử vi Tinh hoa 1

- Long Phượng tại Mệnh, Thân cư cấm thật (nhà đẹp)
Xương Khúc giáp Quan, định tác cao Khoa (đậu cao)
- Ngọ thượng Khoa Quyền, Tướng ngộ biên cương nhâm trọng
Mộ trung Thai tọa, văn võ Vũ lược kiêm ưu.
- Tuần Triệt đương đầu, thiếu niên tân khổ
Tam Không độc thủ, phú quý nan toàn.
- Nhị diệu (Nhật Nguyệt) quang huy, công danh tảo đạt
Cự môn, thê thiếp đa bất mãn hoài.
- 15) Hóa Kỵ Diêu tài phản vi giai luận (trở thành tốt)
Thai lâm Mệnh vị, đa học thiếu thành.
- Nô bộc kiêm Phá quân đa chiêu oán đối
Tật ách kiêm Đà nhận (Kinh) **mục** tật bi sầu.
- Tử Phủ bất khả cư hãm địa
Nhật Nguyệt bất khả chiếu nhàn cung.
- Diêu Đà Kỵ kế giao, họa vô đơn chí
Khoa Quyền Lộc trùng phùng, phúc tất trùng lai.
- Tham lang tại thê thiếp, giá thú nghi cầu trưởng nữ.
Tuần Triệt cư Phụ mẫu, xuất ngoại khá thành danh.
- 20) Tả Hữu đồng cung, Thân vô hoạn lự (bớt lo)
Phong Cáo Thai tọa, hưởng ấm thừa quang (nhờ ông cha)
- Xương Khúc lập Mệnh Thân, tài danh quán thế.
Nhật Nguyệt cư Quan Lộc, phú quý vạn danh.
- Tham lang nhàn cư, đa hư thiếu thực
Địa Kiếp độc thủ, thị kỹ phi nhân (mình phải người trái)
- Liêm Trinh Phá quân, hiểm phòng vô hạn
Thiên Hình Thất Sát, cương táo nhi cô (cứng rắn nên cô độc)
- Lộc Mã Thiên di sinh tài hữu lực (làm tiền dùng sức).
Cự Cơ Điền Trạch, phú quý lâu dài (giàu sang nhà lớn)
- 25) Thiên Khốc Hóa Quyền, minh danh vu thế (tiếng nơi nơi)
Thiên Phủ Vũ Khúc, tích ngọc đôi kim (chất ngọc chức vàng)
- Thiên Tướng hỷ cư ư thê vị. Thiên Mã yếu thủ ư Điền tài.

Tử vi Tinh hoa 1

- Hỏa Linh lạc hãm ư Tử tức, đáo lão vô nhi khóc (câu)
Thiên Không liệt thủ ư Mệnh viên, chung thân không họa ách.
 - Xuất thế vinh hoa, Nhật Nguyệt chiếu hư không chi địa
Sinh lai bản tiện, Kiếp Không lâm Tài Phúc chi hương.
 - Tử Sát an tàng ư Vượng địa. Lương Hao tối kỵ ư Tài cung.
- 30) Bạch Hổ Tang môn, bất nghi ư Điền Trạch (không hợp)
Cô thân Quả tú yếu thủ ư Điền Tài (cần có)
- Tham Linh tịnh thủ Miếu viên, Tướng Tướng chi quý
Thất Sát cư Quan đắc địa, uy áp vạn nhân.
 - Nhật Nguyệt phản bội, hà vọng thanh quang, tối hỷ ngoại triều Khôi Việt. Tử Phủ đồng cung tối ư Phúc hậu, thiết hiềm nội trở Triệt Tuần.
 - Thiên Đồng ngộ Kiếp Không bất cát. Cụ môn phùng Đà Kỵ tối hung.
 - Tả phụ phùng Cát tinh, bất vi yếu triết.
Hữu Bật kiêm Quả tú, tất dã Tràng Sinh.
- 35) Thiên Mã ngộ Tràng Sinh, thanh vân đắc lộ.
Thanh Long cư Phúc địa, nhân đích chúng đa.
- Song ngư (Hợi Tý) Thiên Tướng Phá quân, thanh cao minh mẫn
Tử Mộ Liêm Trinh Thất Sát, phú quý phong lưu.
 - Khôi Việt đa văn, ngộ Đà Kỵ thiên vi dật sĩ (ở ẩn)
Xương Khúc đa học, phùng Tuế Dương, thiện tác tụng sư (thầy kiện)
 - Phượng Các quan giai tựu Khốc Hư, nhi ba thiên hữu hạn
Long trì khoa đệ, yểm Nhật Nguyệt nhi từ hệ kham ưu (cổ)
 - Hình Diêu Đậu Sửu tối cát. Kiếp Không Ty Hợi lương nghi.
- 40) Mệnh cư Đào Hỷ, hương Tử Dương, phú quý khả kỳ
Thân hữu Hồng Đào, kiêm Thai tọa, công danh khả tất.
- Mệnh trung Hồng ngộ Kiếp Không, mạc đàm phú quý (yếu)
Thân nội Tuế phùng Đà Kỵ, mạc đào phồn hoa (ở ẩn)
 - Phá quân xung phá Văn tinh, tam canh bảo vân song chi hậu (thi rớt)
Hóa Khoa trợ hình văn diệu, nhất giáp mai đệ bảo chi vinh (đậu cao)
 - Thiên Mã ngộ Tam Thai, anh hùng vô đối
Thái Tuế phùng Thất Sát, trí dũng hữu dư.

Tử vi Tinh hoa 1

- Sửu Mùi Quang Quý tương phùng, tam sinh hữu hạnh

Tý Ngọ Khốc Hư tịnh thủ, nhất thể xưng hùng.

45) Giáp Sát giáp Liêm, công danh văn đạt (muộn)

Giáp Thai giáp Tọa, danh phận tảo vinh.

- Đào Hồng ngộ Cơ Thư, Doãn vi xảo họa

Phụ Bật phùng Thiên Tướng, đích thị lương y.

- Diêu tại Hợi vi minh mẫn. Lương tại Hợi, tất đạt du.

- Tử vi Thìn Tuất ngộ Phá quân, bắt lương chi thủ

Kiếp Không Phục binh phùng Dương Nhận, lộ thường kiếp đồ (cướp đường)

- Triệt Tuần bắt ngộ Lộc Tồn, tư cơ phá hại.

Kình Đà bắt nghi Nhật Nguyệt, bệnh tật triền miên.

50) Hình Hỏa Kỵ **phản** Thiên Mã. Sát Phá hung trợ Kình Dương

- Thất Sát tại Thân, hưởng đắc an toàn chi phúc

Tử vi cư Dậu, toàn vô uy lực chi công.

- Đồng Tham tọa thủ Ngọ cung, Điền Trạch tóm thâu thiên hạ.

Lương Vũ củng chiếu Sửu vị, Kim Bạch mãn tương sương (đầy rương)

- Tham Kỵ trùng Diêu, thủy tai nan miễn

Phá Liêm ngộ Hỏa, tử nghiệp vô nghi.

- Cát diệu đồng tại Hợi Dần, vãng nhật tuyết hoa đa trái tác (về già càng sướng). Bần tiện mạc ngôn Thìn Tuất tra Dương Nhật thu ảnh cách phú vinh (về sau về vang)

55) Thất Sát Tý Ngọ Dần Thân, thọ khảo

Thiên Hình Dần Thân Dậu Mão anh hùng.

- Văn Xương tại Hợi, Ký viết: Khốn, đắc Thủy diệu chung thành đại khí (sau thành tốt).

Thiên Cơ cư Sửu: Kinh văn: hài, đắc Thủy diệu cánh nại tài bồi (sau thêm tốt).

- Cơ Lương thả thiện đàm binh, Tuất cung Tý nhi văn chương quán thế. Dương Nhận hãm tu bi thiết, Miếu Vượng tu nhi hào kiệt lương danh.

- Phá tại Khâm Ly (Tý Ngọ) Tam Thiếu Tam Công quyền đắc trọng Dương (Kình) cư Đoài Chấn (Dậu Mão) lục Canh lục Giáp Phúc nan toàn.

- Dương nhận Hỏa tinh uy quyền xuất chúng

Đồng hành Tham Vũ uy áp biên di (nước nhỏ bên cạnh)

60) Phụ Bật ngộ tài cung, y chu tước tử (Tể Tướng)

Âm Dương hội Xương Khúc, xuất thế vinh hoa.

Tử vi Tinh hoa 1

- Phi mãn kim ô (Nhật) tuy gia Sát nhi chí **phú**.

Thanh kỳ ngọc thổ (Nguyệt) diệc lạc hãm nhi bất bản.

- Thiên Phủ lâm tậ ách nhi vô bệnh.

Địa Kiếp cư Phúc Đức nhi Hữu tai.

- Tam Không hội Văn Xương ư Thê cung, thiềm cung triết quế

Tử vi hội Vũ Khúc ư Tử tức, quý nhi thực hờ.

(bể cảnh quế trên cung trăng là lấy vợ đẹp, trồng cây hờ là sinh con tốt.)

- Quý ngộ quý hương, phùng chi Quý thịnh.

Tài cư tài vị, ngộ giả phú xa (giàu sang)

65) Nhật Nguyệt giáp tài, phi phú tắc quý

Không Kiếp giáp Mệnh, phi yếu tắc bản.

- Quyền Lộc trùng phùng, Chu Bật vận lai nhập Tướng

Khôi Việt đối chiếu, Giả Nghị niên thiếu đăng khoa.

- Bạch Hổ củng Liêm (Dậu) Khương Công chi cô hồng thích thích.

Thanh Long phiêm hải (Tý) thái công chi triều đầu hân hân.

- Tang môn thậm khổ ư Thiên la, Thung Huyền lãnh đạm.

Quan Phủ đa kinh ư Địa Võng, trất cốc bi sầu (gông cùm)

70) Thanh Long Quan đới, hiên ngang lang miếu (cung vua)

Mã đầu đới kiếm (Kình ở Ngọ) trấn ngự biên cương.

- Thốn Kim (Dậu) ám Kình Dương, **phảm hiềm tao khỗn**

Chích Hỏa (Hỏa tinh, Tý) phùng Thiên Mã, bất nghi viễn hành.

- Vũ Khúc lâm Cô thần, Hàn Tướng quốc tần tần khử quỷ (giận)

Văn Xương phùng Quả tú, Trương đế sự bộ bộ tầm tiên (ở ẩn)

- Hoạt học trùng phùng, Phu Tử (Khổng) văn chương quán thế

Song Lộc lưỡng ngộ Thái công (Vọng) võ lược siêu quần.

- Bạch Hổ kiến Tướng quân, Đào Tiềm kiêu án

Kình Dương phùng lực sĩ, Lý Quảng bất phong.

75) Hỏa Linh khả cư Thân, hại điền tài ư tổ nghiệp.

Kình Đà tương giáp Mệnh, phá Điền Trạch ư phu quân.

- Phá quân tính khốc bất nhân, vật an Thân Mệnh

Văn Xương tính thanh thả khiết, lợi tử ích phu.

Tử vi Tinh hoa 1

- Tề nữ kiến kim phu giai do Phá quân phùng Thiên Mã
Yến anh phùng ngọc nữ do như Cơ ngộ Kinh Dương
 - Vương Bột đầu hà, Phá quân hãm Thiên Thương ư Thủy Cục
Vương Lương ải ngục, Liêm Trinh hãm Địa Kiếp ư Hỏa cung.
 - Bát tọa hướng Thái Dương, thị tụng ư cung cấm.
Thất Sát nghi triều đầu, nhập Tướng ư phủ viên.
- 80) Văn Khúc hỷ Nguyệt ư Hợi cung, quốc sắc thiên hương nhân khả úy (đẹp dễ sợ).
Văn Xương triều Nhật tại Ngọ vị phong trần địa bộ thể nhân nan (giỏi khó có)
- Hóa Khoa tối vi kỳ, vật hướng Thiên thương nhi ám hối
Hóa Lộc hoàn vi hảo, nhược cư Mộ địa diệc **tùng** bi.
 - Thiên Đồng bạch thủ thành gia. Địa Kiếp đan tâm tất ám.
 - Hồ Tang Điều bệnh tất thị Tứ Hung, hạnh ngộ Đồng tinh nhi hóa cát. Dương Đà Linh Hỏa vị chi Tứ Sát, đơn phùng Cơ tú nhi hữu duyên.
 - Đầu cư thê thiếp, tuy hữu phú nhi cương ngạnh.
Lộc cư nô bộc, túng hữu quan dã ôn trì.
- 85) Văn đầu Hóa Kỳ ngộ Thiên Không, sở tuế hư tư ư hiền phụ.
Lãng lý Đào Hoa gia Địa Kiếp, tam canh khai chướng ư giai nhân.
Văn Xương, Văn Khúc đồng cung, phong tề Liệt Tướng duy chi thị.
Văn Khúc Vũ Khúc đồng Mệnh, Lý Linh tọai Tướng Tướng chi vinh.
- Thất Sát thủ tha tài vi kỹ vật (lấy của người)
 - Thiên Lương hảo tư tài dữ tha nhân (cho người khác)
 - Khả úy hãm Kim (Dậu) chi Bạch hổ (tốt)
Kham nghi hý Thủy (Tý) chi Thanh Long.
- Văn quế Văn hoa đối ư Phúc vị, thọ như Bành Tổ (800 năm)
Đan trì, Quế tri chiếu ư Điền Trạch, phú tử Thạch Sùng.
- 90) Vũ Khúc thủ ư Tử cung, bất tất cô thần nhi hữu hại.
Đà la lâm phu vị, bất tu quả tú diệc tăng bi.
- Đào Hoa ngộ phi Liêm, Nguyễn Tịch Tàn triều nhi túy khách.
 - Đại Hao phùng Quan Phủ, Lưu Nghị Tôn Thất nhi hu hồ.
 - Nhật lạc nhàn cung, vi nhân tiền cần hậu lãn
Nguyệt tòng Dần vị, tác sự hữu thủy vô chung.

Tử vi Tinh hoa 1

- Nhật Nguyệt thủ bất như chiếu Mệnh (tọa không bằng chiếu)
- Khoa Quyền cũng bất như lâm viên (chiếu không bằng tọa)
- Hữu Bát hội Phu cung, vi nhân hữu tiểu tinh chi phận
- Đầu quân lâm phu vị, vi nhân tác cù mộc nhi cô (vợ lớn)
- 95) Xương Khúc Tả Hữu hội Thê cung, diễn trần trần ư lân chỉ (kỳ lân).
- Tả Hữu Nhật Nguyệt lâm Tử tức, chấp chấp như chung tư (cào cào châu chấu)
- Hữu Bát đơn lâm ư Mệnh viên, ly hương sở nghiệp
- Tả phụ trùng lai ư Phúc địa, Tiên Tổ hữu quang.
- Mệnh suy, Thân suy, chung thân khát điệu (cái) (ăn mày)
- Mệnh hảo Thân hảo, đáo lão vĩnh xương.
- Điệu Khách Hỏa tinh, dự phòng tiểu cố (án tiết nhỏ)
- Cự môn Hóa Ky, định chủ thị phi.
- Quan Phủ thủ viên, Tỵ thủ phòng nhân chi phận
- Tấu thư lâm Mệnh, thị đa khẩu thiệt chi nhân.
- 100) Đào Hoa thủ Mệnh, quả thê. Hồng loan cư thê, tiền khắc.
- Nam tử Hoa Cái cư Thân, xuất ngoại đa ái.
- Nữ tử Hồng loan thủ Mệnh, định chủ nhị phu.
- Thái Tuế phùng Thất Sát ư Mệnh viên, hung trung đa diệu toán.
- Trường sinh hội Thiên Cơ ư Phúc địa, thân thương Hữu kỳ tài.
- Xương Khúc hựu Âm Dương nhi đắc địa
- Khoa Quyền ngộ Khôi Việt, dị thành công
- Cơ Nguyệt Đồng Lương tối hiềm Hỏa Linh xung phá
- Khoa Quyền Lộc Mã, tu phòng Không Kiếp ám xung.
- 105) Đà Kiếp trùng lâm ư Tỵ Hợi, hạnh ngộ Thiên giải nhi khả cứu.
- Phá quân hãm địa ư Mão Dậu bằng phùng Nguyệt đức hóa từ nhân.
- Quý nhân bất nhập quý hương, nan giải hung tinh chi họa nhiểu.
- Tử vi đáo thủ nhân cung, Hựu vọng khô miêu nhi khả cứu (không hy vọng gì)
- Văn Xương hãm ư Thiên thương, Nhan Hài yếu triết
- Khôi Việt lưu ư Thiên sứ, Giáng Quân vô văn (không học)
- Đào Hoa ngộ Thiên Mã ư Thiên di, du sơn du thủy
- Hóa Ky ngộ Phục binh ư thê thiếp, hết oán hết thân.

Tử vi Tinh hoa 1

- Tham Lang Đồng Xương Khúc ư Sửu Mùi, đích hữu đầu hà chi hạn.

- Quan phù hội Dương Đà ư hãm địa, tất nhiên loạn thuyết chi nhân.

110) Thất Sát đơn thủ Mệnh viên, vô khả cứu trùng lâm chi hạn.

Văn Khúc Kỵ phùng Hóa Kỵ, hạn ngộ nan phùng yếu triết chi ư.

- Thiên Lương cư Miếu Vượng, độ Thái Tuế Bệnh phù tất nhi khả giới.

- Thiên Đồng lâm Ngọ vị hỷ Dương Nhận Thái Âm, uy trấn ải biên.

- Không Kiếp tại Phúc hương xuất giao chúng nhân tiểu loại.

Kỵ Hao ngộ Phúc môn tất hoại cơ nghiệp tổ tông.

- Giáp Quý giáp Lộc, thiếu nhân tri (ít người biết tới)

Giáp Quyền giáp Khoa, thế sở nghi.

- Giáp Nhật giáp Nguyệt, thù năng ngộ (hay gặp lành)

Giáp Xương giáp Khúc chủ quý hề.

115) Giáp Không giáp Kiếp chủ bản tiện

Giáp Kinh giáp Đà vi khất cái

- Thái Âm hãm địa, chủ nhất thân chi khoái lạc

Liêm Trinh ngộ Sát, chủ hạ tiện nhi cô bản

- Xuất thế vinh hoa, Quyền Lộc thủ tài quan chi vị

Sinh lai bản tiện, Kiếp Không lâm tài Phúc chi hương.

- Thiên Lương Thái Âm, khước tác phiêu bồng chi khách

Liêm Trinh Thất Sát, phản vi tích phú chi nhân

- Tả phụ Hữu Bật bản tính khắc khoan khắc hậu

Văn Xương Văn Khúc vi nhân đa học đa năng

- Thiên Phúc, Thiên Quan, định chủ hanh thông chi triệu

Thiên Phủ, Thiên Tướng nãi vi y lộc chi thần

- Tử Phủ đồng cung, chung thân phúc hậu

Thất Sát triều đầu, Phúc lộc vinh xương

- Thiên Phủ lâm Tuất hữu tinh phù, yếu kim y tử (Tể Tướng)

Tử vi cư Ngọ vô sát thấu vị chí công khanh

- Nhật Nguyệt đồng lâm, quan cư Hầu Bá

Khoa minh Lộc ám, vi liệt Tam Thai (3 cấp lớn)

- Cơ Cự đồng cung, công khanh chi vị

Tử vi Tinh hoa 1

Tham Linh tịnh thủ, Tướng, Tướng chi danh.

125) Tả Phụ Văn Xương hội Cát tinh, tôn cư bát tọa (xe 8 chỗ)

Tham Lang Hỏa Linh cư Miếu Vượng, danh chấn chư bang

- Tả Phụ Nhật Nguyệt cư Miếu Vượng, toán định công hầu khí

Nhật Nguyệt Khoa Lộc tại Sửu cung định thị phương Bá Công

- Thất Sát Phá quân nghi xuất ngoại (ra ngoài hợp)

Cơ Nguyệt Đồng Lương, tác lại nhân (làm thư lại)

- Tử Vũ tài năng, Cư trí Đồng Lương xung **thả hợp**

Trọng Do (Tử Lộ) uy mãnh, Liêm Trinh nhập Miếu hội Tướng quân.

- Đồng Dương tối hỷ Đồng Lương hội

Thìn Tuất ứng hiềm hãm Cư môn.

130) Vận suy, hạn suy, Hỷ Tử vi chi giải hung ác

Lộc đảo Mã đảo, Kỵ Thái Tuế chi hợp Kiếp Không.

- Vận hội địa Kiếp Thiên Không, Nguyễn Tịch hữu bản cùng chi khổ

Hạn chí Thiên la Địa Võng Khuất Nguyên mịch thủy nhi vong.

- Sinh phùng Thiên Không, do như bán thiên triết cánh

Mệnh ngộ Kiếp Không, do như công lý hành thuyền.

- Xương Khúc giáp Nguyệt Nhật quý nhi thả hiển (nam)

Thiên Lương ngộ Mã, tiện nhi thả dâm (nữ)

- Trinh cú Mão Dậu, định thị công tư lại bói

Đế cư Đoài Chấn, đa vi thoát tục chi tăng.

135) Liêm Trinh Thất Sát, lưu đặng thiên nhai (chân trời)

Tử Phủ đồng cung tôn cư vận thặng (thừa) (vạn cổ xe)

- Cư Hỏa Kinh Dương, chung thân ải tử (thất cổ chết)

Linh Xương La Vũ, hạn chí đầu hà (đâm đầu xuống sông)

- Tý Ngọ Phá quân gia quan tiền lộc

Tham Xương tại Mệnh phần cốt tủy si (lang ben) phân cốt toái thi (tan xương nát thịt) (?)

- Văn Quế Văn Hoa, cửu trùng quý hiển

Triều đầu ngưỡng đầu, tước lộc vinh xương

- Tử Phủ Tả Hữu, y phi tước tử hay phi la y tử (làm lớn)

Âm Dương Xương Khúc, xuất thế vinh hoa

Tử vi Tinh hoa 1

- Liêm Trinh thanh bạch năng tương thủ (qua lại)

Thất Sát trầm ngâm, phú bất vinh (trọc phú)

140) Vũ Khúc nhàn cung đa thủ nghệ

Tham Lang hãm địa tác đồ nhân (hay tác trữ nhân)

- Thiên Đồng Tuất cung vi phản bội, Đinh nhân hóa cát chủ đại quý (vì có Hóa Lộc).

Cự môn Thìn Tuất nhi hãm lạc, Tân nhân hóa Cát lộc tranh vinh (vì có Hóa Lộc)

- Luận Mệnh, tất suy tính thiện ác

Tường thân, hựu khán nhi cương nhu

Luận Mệnh, tất suy tính thiện ác

Cự Phá Kinh Dương tính tất cương

- Phủ Tướng Đồng Lương tính tất hiền

Sát Kiếp Không Tham tính bất thường

- Xương Khúc Lộc Cơ, thanh tú xảo

Âm Dương Tả Hữu tối từ trường

145) Tham Lang Liêm Trinh Phá quân ác

Thất Sát, Kinh Dương, Đà la hung

- Hỏa tinh Linh tinh chuyên tai họa

Kiếp Không Thương Sứ Hỏa trùng trùng

- Cự môn Kỵ tinh giai bất Cát

Mệnh Thân, vận đao, kỵ tương phùng

- Phu quân ký liệt nhàn cung, Thân Mệnh nan ngôn hảo địa

Phúc cung lâm ư La Võng, vận hạn tu cầu quý tinh.

- Giáp Tả giáp Hữu, tảo hài lịch khách

Giáp Nhật giáp Nguyệt, cận đắc quý nhân

Tử vi Tinh hoa 1

150) Mệnh nam tử, tối hiềm Nhật hãm

Thân nữ nhi tối kỵ Hắc vân (Hóa Kỵ)

- Sở ai giả, Hồng loan Tứ Mộ, liệt phu quân chi vị

Sở Hỷ giả, Thiên hỷ nhị minh (Nhật Nguyệt) phù Tử tức chi cung

- Long trì Phượng các ôn Lương

- Thiên Khốc Thiên Hư táo bạo

- Địa Kiếp Địa không, thân mạo gian phi chi hạnh

Thiên Diêu Thiên hỷ, đa chiêu quái dị chi tai

- Nhật Nguyệt Tử cung, nhất bào xong sản (sinh đôi)

- Thai Hoa (Cái) phùng Kiếp, gián đoạn Tử cung

155) Thái Tuế ngộ Dương Đà, đa chiêu khẩu thiệt

Đào Hoa phùng Thiên Mã, túng khách vô môi (không mai mối)

- Ách địa, hiềm Thai phùng Bạch Hổ (sinh khó)

Mệnh cung, kỵ Nguyệt ngộ Đà la (loạn dâm)

- Hoa Cái Tấu thư, thanh cao từng chúng

Long trì Phượng các, thủ đắc quý nhân

- Mã ngộ Không Vong, chung thân bôn tẩu

Mộc dục Hoa Cái, thủ Mệnh hoang dâm

- Xương Khúc tọa thủ phùng Cơ dâm loạn

Xương Khúc giáp chiếu phùng cát hữu duyên

160) Tham Lang ngộ Đào Hoa, chiếu Phu cung, hữu chính tắc đích vô chính tắc thiệp (Mệnh có chính tinh thì là vợ chính, không có thì là vợ thứ). Hồng loan phùng Địa Kiếp ư Phu cung, Mệnh hảo chi bách, bất hảo chi thập (Mệnh tốt thì ở với nhau 100 năm không tốt thì 10 năm)

Tử vi Tinh hoa 1

- Xuất phát nhập duy, Tử Phủ Đồng vị (!)

Vượng phu ích tử, Lộc Mã giao trì

- Mệnh tọa Xương Diêu vô Cát tinh, nhất sinh dâm đấng

Mệnh phùng Hóa Lộc, vô Hung tinh, Tài Lộc phong doanh

- Tử vi cư Huynh đệ, diệc hữu trường huynh, ngộ Hóa lộc diệc vi nhân trường (mình là trường). Thiên Phu lâm Tài Bạch, diệc thị đa lộc, ngộ Thiên Hình, tất thị tổn hao.

165) Tả Phụ Thiên Khôi vi Phúc Thọ. Hữu Bát, Thiên Tướng Phúc lai lâm.

- Lộc Tồn hậu trọng đa y ộc. Phú Tướng ôn lương tắc phú vinh.

- Cự môn Thiên Cơ vi phá đấng. Thiên Lương Nguyệt diệc tắc dật du.

- Tham Lang hội Lang (dâm tinh khác) đa dâm dật

Phá quân nhất diêu, tính nan minh (ưa nịnh)

- Tiền phú hậu bần chi vị vận phùng Hao Sát

Tiền bần hậu phú Vũ Tham đồng Thân Mệnh chi cung.

170) Thiên Lộc, Thiên Mã, Kinh nhân giáp đệ (đậu cao người sợ)

Thiên Khôi Thiên Việt, cái thể văn chương.

- Cự Nhật đồng cung, quan phong tam đại

Tử Phủ triều viên thực lộc vạn chung (muôn học)

- Lương cư Ngọ vị, quan tư thanh hiển

Khúc ngộ Lương tinh, vị chí thai cương

- Nhật Nguyệt tịnh minh, tá cữu trùng ư kim điện

Khoa Quyền đối củng, được tam cấp ư Vũ môn (hóa rồng)

- Phủ Tướng đồng lai hội Mệnh cung, toàn gia thực lộc

Tam hợp minh châu (Nhật Nguyệt) cư Vượng địa, tấn bộ thiềm cung.

175) Nguyệt lãng Thiên môn (Hợi) quan cư Hầu Bá

Nhật xuất lôi môn (Mão), phú quý vinh hoa.

- Tuất cung tương lâm Tử Tướng, Âm nam Tân Ất thể vinh phú hoạnh, Dương nữ Giáp Canh hoành đạt tự thân.

- Mộ phùng Tả Hữu, tôn cư Bát tọa chi quý

Dần phùng Phủ Tướng, vị đấng nhất phẩm chi vinh.

- Điều khách Tang môn, lạc châu hữu truy lâm chi ách (té lầu)

Tử vi Tinh hoa 1

Quan phù Thái Tuế công Dã (tràng) hữu tiết lụy chi ưu.

- Lã Hậu chuyên quyền, lưỡng trùng Thiên Lộc Thiên Mã

Dương Phi hảo sắc, tam hợp Văn Khúc Văn Xương.

180) Phu tử (Khổng) tuyệt lương, hạn đáo Thiên thương chi nội

Đặng Thông ngạ tử (chết đói) vận phùng Đại Hao chi hương

- Đan trì Quế trì, tạo toại thanh vân chi khí (có công danh)

Hợp Lộc củng Lộc, đình vị cự phách chi thần (danh tiếng)

- Cự môn Tý Ngọ, thạch trung ẩn ngọc (ngọc trong đá)

Minh Lộc ám Lộc cảm thượng thiên hoa (gắm thêu hoa)

- Xương Khúc Phá quân phùng Hình khắc, đa lao lực

Tham Vũ mộ trung, cư Tam thập tổng phát tài (sau 30 tuổi)

- Vũ Phá Liêm Tham xung hợp, khúc hoàn cố lý (về xứ)

Dương Đà Thất Sát tương tạp, căng kiến tắc thương (cứng quá hư)

185) Thân hội Di cung, Triệt Tuần hãm nhập, văn tuế hồi hương phương túc cát, nhược kiến Cát tinh, sự nghiệp viên thành ngoại xứ

Thân cư Quan Lộc, hội Sát Triệt Tuần, nữ Mệnh nam hảo thanh danh, gia kiến Tang Bạch, cô thần chích ảnh (cô đơn) nghi gia văn tuế tất thành (lấy chồng muộn)

- Tham lang nhập Mệnh, tất vi ca xướng

Thất Sát thủ Thân, chung thị yếu bản

- Thái Dương cư Ngọ vị chi "Nhật lệ trung Thiên" hữu chuyên quyền chi vị, địch quốc chi phú.

Thái âm cư Tý, hiệu viết "Thủy trừng quế ngọc", đắc thanh yếu chỉ chức, trung gián chi tài

- Tham lang hội Xương phong lưu thái trượng (bị đánh) (?)

Tham Lang cư Tý phi thủy đào hoa (hoa đào trôi nước)

- Phá quân Hóa Kỵ đồng hương, thủy chung tác trái tác chúng.

Thất Sát Liêm Trinh đồng vị, lộ thương mai thi (chết đường)

180) Đế ngộ hung đồ (Không Kiếp) tuy hoạnh phát nhi vô đạo

Lộc cư Nô bộc, tủng hữu quan dã ôn tri

- Đế tọa Mệnh khó, tắc viết "Kim dư phù ngạ liễn"

Lâm quan văn diệu vi y "Cẩm nhạ thiên hương"

- Thiên Phúc Tấu thư tha kỳ dị vực (phương xa)

Thiên Lương Hoa Cái, tửu sắc duy tư.

Tử vi Tinh hoa 1

- Thái Dương ngộ Văn Xương ư Quan Lộc, hoàng điện thủ ban chi quý (quan đầu Triều)

Thái Âm đồng Văn Khúc ư Thê cung triết quế thiềm cung (làm phò mã) thanh chương.

- Tài Âm (Vũ Lương) tọa ư Thiên di, Cự thương cao cổ

Lộc Tồn thủ Điền tài, tích ngọc đôi kim

195) Hao cư Lộc vị, duyên đồ khát thực

Tham cư hãm địa, tử thiết chung thân

- Quan Phủ giáp Hình Sát ư Thiên di, li hương tao khỗn

Hình Sát hội Liêm Trinh ư Quan Lộc già tỏa đồng lưu (xiềng xích)

- Thiên Phủ phùng không, bởi ưng chi tư cô nan bảo

Tử vi hãm cung, giải cứu uy lực toàn vô.

- Đa phát thị ư Tham Diêu. Phi hắc do Hồ Vũ Ky.

- Cự hội Hồng loan, định xuất văn chương chi sĩ.

- Sát phùng Thiên hỷ, phản vi ôn nhã chi nhân.

200) Phú Quý nan toàn chỉ vị Âm Dương ngộ Sát

Công danh bất hiển duy hiềm Nhật Nguyệt đồng lâm.

- Vật vi Khốc Hư ngộ hãm (chẳng nên mong gì)

Duy hiềm Nhật Nguyệt phùng không (e rằng)

- Long Phượng hỷ Mão Dậu chi niên, vượng đắc đích nhân Khoa bảng

Quang Quý nghi Sửu Mùi chi vị, hạn hành tất dã thành danh

- Tứ hướng giao huy, ky Tuần Không nhi trực đối

Tam phương xung sát, hạnh nhất triệt nhi khả bằng.

- Giáp Thai giáp Tọa, thiếu niên tảo hài danh phận (sớm)

Giáp Sát giáp Liêm văn niên phương đắc thành danh (muộn)

205) Hồng Đào hỷ cư Quan Lộc. Kiếp Không ky tại Thiên di.

- Thiên đức Nguyệt đức, nhị tinh hội đắc giải thần phương phát phúc

Thiên Quan Thiên đức tinh đồng, hội Lộc Khoa Quyền, thủy vi giai

- Đà la Hỏa địa hãm Nguyệt, thậm ố Hỏa Linh chi tương trực Hóa Ky. Thủy cung đếm nhật, úy đồng Dương Nhận chi giao xâm.

- Tử sinh trường khán Phúc hương. Bần yếu mạc ngôn Thìn Tuất.

- Thân hữu Hồng loan cư Tứ Mộ, công danh bất cứu (không muộn)

Mệnh vô chính diệu đắc Tam Không, phú quý khả kỳ (có lúc)

Tử vi Tinh hoa 1

210) - Thái Tuế Tang môn, tần chiêu quan sự (việc quan)

Thiên Quan Thiên Mã, tòng dịch gia nhân (hầu quan)

- Thịnh mao phát, bản Sát Phi Linh Hỏa

Đa mao phát, do Xương Khúc Vũ Tham

- Tử Tức Kỵ Đầu quân chi sở điểm (làm hư)

Tật ách hiềm Địa Kiếp chi sở xâm

- Âm Dương tuy thiện, thuận cư

Nam tinh cư Nam thuận, Bắc tinh cư Bắc Cát.

- Nhị Sát tử (Kinh Đà) trũng nhiều Mệnh viên, ngôn ngữ trung lưu ư tập loạn (loạn ngôn).

Lưỡng quý tinh (Nhật Nguyệt) giao phù Mệnh vị, tâm tình dị nịnh ư tha kỳ (dễ tính).

215) Âm ố Dương ngưng do Tử cung hữu Kỵ Đà hoành thẩu

Dương vô Âm lạc, do ách cung chi Ác Sát trùng xung.

- Tử Tức kỵ Đầu quân. Phu thê hiềm Cô Quả.

- Thái Tuế lâm Thân ngộ Đà Kỵ, nan cầu bình cát

Hồng loan thủ Mệnh phùng Không Kiếp, tất đa hình thương

- Chung thủy vinh hoa, Nhật Nguyệt phụ Mệnh.

Nội ngoại Quý hiển, Long Phượng giáp Thân.

- Thiên Phúc Thiên Quan, đích nhiên khoa đệ

Thiên Phủ Thiên Tướng, tất dã hảo quan.

220) Mệnh phùng Hung tinh, tầm hung liệu nhi tất trủng

Thân phùng Cát diệu, ngộ Cát tú nhi thành danh.

- Khôi Việt bất phùng Không, tất nhiên thủ tuyển (đậu đầu)

Âm Dương chiếu lượng vị, lợi kiến đại nhân

- Nô bộc bất khả hãm Thái Dương, dĩ chi xạ lai xạ khứ

Tật ách bất khả lâm Cô Kiếp, tất chi chủ cung chủ tầm

- Phụ mẫu Thiên Lương hề, khắc đặng thượng thọ

Huynh đệ Không Kiếp hề, chỉ hữu nhất nhân.

- Giáp chiếu hợp chiếu, chỉ vi họa phúc dị

Chính chiếu thiên chiếu, chi vị họa phúc nan

225) Giáp tinh tuy ác, bản cung Cát tinh tọa, bất khả ngôn phúc

Giáp tinh tuy cát, bản cung Ác tinh tọa, diệc khả ngôn hung.

Tử vi Tinh hoa 1

- Thân nghi đoan quý chi tú. Mệnh nghi phúc thọ chi tinh.
- Dương tinh Chủ văn, tại Dương vị, thanh tháo chi sĩ
- Âm tinh chủ võ, tại Âm cung, vũ dũng chi nhân
- Tử Phủ đông cung, Thiên tư ôn nhuận
- Long Phượng giáp Mệnh, cốt cách thanh kỳ
- Khôi Việt thị thanh kỳ chi cách. Khoa Quyền vi mỹ mạo chi dung.
- 230) Tả Hữu trùng phùng, bị ngưng hạng thể (da mịn mặt sáng)
- Nhật Nguyệt Sửu Mùi, mục tú minh tinh
- Xương Khúc thủ Ty, nhân khả ái. Đồng Lương tọa trọng hậu hà nghi.
- Tướng quân Liêm Trinh, kỳ Hình thô đại
- Cự môn Hóa Kỵ, xử sự đê hồi (không khéo)
- Tuế Điều loạn xướng phù ngôn. Hư nhận biếm vi lãng thuyết.
- Thiên Hình Thất Sát miếu viên, động vô ngừng xứ
- Vũ Khúc Thiên Cơ đắc địa, uẩn hữu kỳ tài
- 235) Đà Kỵ nhiệm tu tự hỏa. Hồng Đào mao phát như vân.
- Hỏa Linh diệu mục bi sầu. Kiếp Không bì phu hắc ám.
- Thiên Tướng diệu phương nhi tâm chính. Hỷ thần trường kinh nhi tâm khoan.
- Thanh nhược cự lôi, Phá Tuế giao triển vượng địa.
- Ngôn bất xuất khẩu, Dương Đà thủ ư Mệnh cung.
- Điều Đà nãi tửu sắc chi đồ. Tham Lương hỷ cao lương chi vị.
- 240) Thiên Phúc Tấu thư, tha kỳ dị vực
- Thiên Mã Hóa Lộc, duy lợi thị cầu (trục lợi)
- Hoa Cái tế yêu nhi cắc diễm (lưng nhỏ)
- Địa không sắc đạm nhi tính phù (nông nổi)
- Thai đa mê hoặc. Mộ tế (chi) thông minh
- Tuân Triệt tâm trung vô ổn định
- Tham Thai phúc hiệp nhi vô lương (hẹp bụng)
- Tướng quân chí thiện dụng binh. Bệnh Phù thân triển ác tật.
- 245) Điều khách, Quan phù, hiếu ư biện bách
- Tang môn Bạch Hổ, vô sự bài ưu (lo vô cơ)
- Lưỡng Hao hình thể tế tiêu. Phi Liêm mao phát ô vân (đen đỏ)

Tử vi Tinh hoa 1

- Thiên Quý Ân Quang, trượng phu phong độ
Thai Phụ Phong Cáo, quân tử uy nghi
- Đế Vương Tràng Sinh, duy tâm hiếu thiện
Cô thần Quả tú, thiết kỵ hoài tư
- Vũ trì mạc nhược Lâm quan. Văn tức vô như Mộc dục (không gì bằng)
250) Tử không thân thượng Tràng Sinh. Suy bệnh thân trung ủy nhược
- Thai đáo Kim cung, tinh thần **bức** hiệp (**hóp** hợp)
Tuyệt phùng hỏa địa, chí khí hiên ngang.
- Hóa Lộc Hóa Quyền, quy mô đồn hậu
Thiên đức Nguyệt đức, tâm tính khoan hòa
- Bác sĩ hiếu ư từ biện. Lộc Quyền uyển diễm thân tư.
Lập Mệnh tiên tri thọ yếu. An Thân tức thị hiên ngu.
- 255) Xương Khúc hợp Nhật Nguyệt nhi đắc lực
Khoa Quyền nhân Khôi Việt dị thành công
- Thiên Khốc ngộ Văn tinh, tảo danh vu thế
Thiên Diêu phùng Vũ diệu, lao bệnh triền thân.
Long Phượng Kim bằng đề danh. Thai Tọa thanh vân đắc lộ.
- Tuế Đà thiết kỵ ư Dần Thân, nhân hãm cung nhi chí khổ
Không Kiếp hà hiềm ư Ty Hợi, nhân nghịch Mệnh dị thành công.
- Chiếu Mã phạm Không, chung thân bôn tẩu
Đào Hoa đáo cảnh (già) chung cập bệnh triền
- 260) Đại tiểu Hao tán giả đa. Đà Kỵ tham dâm vô yếm
- Hóa Kỵ đa chiếu oán đối. Đà la định chủ thị phi.
- Hỏa lục Tang môn, gia đình hôi lẩn, hời tặn
Diêu phùng Bạch Hổ ác thú xâm tàng
- Cơ Nguyệt Đồng Lương, thiết kỵ Hỏa Linh xung phá
Khôi Khoa Quyền Lộc, tu phòng Không Kiếp ám xung
- Phá quân phùng Kỵ ư Nô cung, vong sự đệ tử
Thiên Tướng ngộ tuần ư Quan Lộc, đại Ấn triệu hời
- 265) Địch quốc phú hào, Điền Trạch hữu Phủ Vũ liệt thủ
Lưu truyền tổ nghiệp, Tài Bạch hữu Tử Phủ đồng cung.

Tử vi Tinh hoa 1

- Lão ngộ Thiên Diêu, hạn chí bất cữu (tới số)
- Viên (Mệnh) tuy sinh lục, đối ngộ tất vong
- Đào Hoa thủ Mệnh quả thê. Hồng loan cư thê tiền khắc
- Lực sĩ hữu uy hữu quyền, võ công xuất chúng
- Bác sĩ hảo văn hảo võ, nhân tính thông minh
- Phi Liêm chủ cô, hữu Thiên thọ kỳ năng giải
- Hỷ thần chủ thọ, ngộ Điều khách, vị vi kỳ (hồng)
- 270) Tiền tài nghi Vũ Khúc. Tham lang thứ Đào Hoa
- Tướng quân tính cương nhi thuộc Mộc. Tấu thư đa năng nhi thuộc Kim
- Đại Hao chủ hao tài, phùng Hung tinh tất tang phục
- Bệnh Phù đa đái tật, ngộ thái Tuế tắc hình thương
- Thái Tuế hợp Quan phù, phi lỵ tiết ư trung diệc lỵ tiết ư ngục. Phục binh ngộ Bạch Hổ, phi khẩu thiệt ư quốc diệc khẩu thiệt ư gia (miệng tiếng)
- Tang môn thuộc Mộc, Mộc Mệnh phùng thử, chủ nhị táng
- Bạch Hổ thuộc Kim, Kim Mệnh phùng thử, chủ nhị thú
- 275) Liêm Sát cư Lộc (Quan), chủ quan. Quyền Sát cư Thân chủ quý.
- Phụ mẫu Tham lang hề, đồ cô nhi tử (hàng thịt.)
- Phụ mẫu Thiên Cơ hề, kỳ táng nhị gia (chôn đám tang)
- Xương Khúc ngộ Đồng, lại nhân chi tử (thư lại)
- Thiên cơ phùng Mã, công trương chi chuyên (chuyên nghề)
- Thiên Lương tất phụ quyền đái ấn (thực quyền, đeo ấn)
- Quốc âm tất phụ chức trọng quyền (chính chức quyền lớn)
- 280) Thê vị hãm Không Kiếp, tất thành ba chi thú (trắc trở)
- Thê cung hữu Khôi Việt, định thê phú chi gia
- Thê cung Hóa Kỵ ngộ Thiên Diêu, loạn dâm chi nữ
- Thê cung Hóa Kỵ ngộ Thái Âm, thống mục chi sấu (đau mắt)
- Thái Âm cư Huynh, đích nhân tiếm trưởng
- Hóa Kỵ cư Thê uẩn khúc dĩ tàng.
- Phong Cáo hỷ thanh long, tất thăng quan chức
- Thai phụ hỷ phùng Thai, tất sinh quý tử
- Nam Mệnh thủ Thai, tu phòng nhân cầu vu dâm kiếp

Tử vi Tinh hoa 1

Nữ Mệnh thủ Mộ, tất đắc phu ủy nhiệm trách thành.

285) Tham Vũ Mộ trung, tam thập phát phúc

Tử vi Thái Dương, tảo ngộ hiền phu

- Đào Hoa cư Quan, tảo tuế đắc quan hành chánh

Hồng loan cư Tý, thiếu niên địch chiếm Khôi nguyên

- Lộc Tồn tại Viên, đa tu tổ nghiệp

Thiên Mã nhập Mệnh, mẫn tiệp đa năng

- Thiên Đồng tại Mệnh, canh cải vô thường

Thiên Diêu Tài Bạch, họa đồ sinh ương

- Mã ngộ Tràng Sinh, thanh vân đắc lộ

Thân cư Vũ Khúc, hắc tử trung tàng (nốt ruồi kín)

290) Tuần Triệt đương đầu, thiếu niên tân khổ

Liêm trinh độc thủ, vô sự bài ưu (lo vô có)

- Nhị diệu Nhật Nguyệt giao huy, công danh tảo đạt

Tam Không độc thủ, phú quý nan toàn

- Hóa Kỵ Điền tài, phản vi giai luận (trở thành tốt)

Cự môn Thê thiếp, đa bất mãn hoài

- Lương dữ mã trì, tung hoành vô độ

Thai lâm Mệnh vị, đa học thiếu thành

- Nô bộc phạm Phá quân, đa chiêu oán đối

Tật ách kỵ Dương Đà, mục thống giao sào

295) Diêu Đà Kỵ giao triều, họa vô đơn chí

Khoa Quyền Lộc liên vị, Phúc tất trùng lai

- Tả Hữu đồng cung, tâm vô hoạch lự

Thai Phụ Phong Cáo, hiển ẩm thừa quang (bóng che của ông cha)

- Lương Khúc nhập Mệnh Tài, tài danh quán thế

Nhật Nguyệt cư Quan Lộc, phú quý thanh danh

- Phá quân Liêm Trinh, hiểm ba vô hạn (nhiều nạn)

Thiên Hình Thất Sát, cương táo nhi cô (quá cứng)

- Lộc Mã Thiên di, sinh tài hữu lực (dùng sức làm tiền)

Cự Cơ Điền Trạch, phú quý lâu dài (nhà lớn)

Tử vi Tinh hoa 1

300) Thiên Quan Thiên Phúc lâm Tài, tự nhiên phú quý

Thất Sát tại viên đắc địa, uy áp vạn nhân

- Thiên Tướng kham cư ư Thê vị (có thể ở)

Thiên mã yếu thủ ư Điền tài (cần có)

- Thiên Không đáo ư Mệnh viên, chung Thân phạm họa tai chi ách

Hỏa Linh tịnh thủ Tứ cung, đáo lão vô nhi khóc chi thanh

- Tứ Sát yếu lâm ư Vượng địa. Lưỡng Hao tối kỵ ư tài cung.

- Cô Quả nghi thủ ư Điền tài. Tang Hổ bất nghi ư Tài Trạch

305) Cát tinh hãm địa, tâm thường sự nghiệp

Hung tinh đắc địa, phát dã như lôi.

- Hung tinh ám hại tiền đầu. Cát tú hoàn vi chung hảo.

- Đồng Cơ viên phú tính tâm trì. Linh Hỏa Miếu vi nhân đầu đại.

- Hợi tọa Quế Hoa (Khúc Xương) phi vinh, tắc phú

Cung Thao (Ngọ) Đế Ấn (Tử Tướng) đoạt Tướng tranh Quyền.

- Phước tinh (Đồng) phùng Việt tinh tại Tồn cung (Ty) định thị hải hà dục tú (đẹp như ánh sao trên sông nước.)

Ấm tinh (Lương) phùng Khôi tinh ư Thủy địa (Hợi) ưng chi sơn nhạc giáng thần (vai như thần núi.)

310) Thiên Lộc nhi ngộ Thái Âm tại nhàn cung, dị bào huynh đệ.

Phúc diệu nhi ngộ Cự môn tại Mộ cung, lãng đãng thế nhi.

-Tử Phá Mộ cung, bất trung, bất hiếu

Vũ Phá Ty Hợi, đãng từ vô Lương.

- Mã ngộ Thiên Hình nhi phùng Thiên Khốc, công hoàn danh bị

Kình ngộ Đồng Âm nhi phùng Phượng giải, nhất thế uy danh

- Tứ hướng giao phù Cát diệu, tu phòng Tuần Triệt

Tam Không bất phạm chủ sứ (Mệnh) vô hữu chính tinh

- Nhật Nguyệt nhi chiếu hư không, học nhất tri thập

Thai tinh Mộ diệu lai triều, đa học thiếu thành

315) Tuyệt phùng Hỏa diệu tại Hợi cung, nhi ngộ Tham Hình, minh danh vu thế. Hồng ngộ Cơ Thư ư Dần địa, nhi phùng Lộc Ấn, hoan cận cữu trùng (cạnh Vua).

- Tử Phủ Vũ Tướng hội Phu cung, gia hợp Diêu Đào ư Giáp Mậu nhân, giang hồ chi nữ.

Sát Phá Liêm Tham tại nữ Mệnh nhi ngộ Văn Xương ư Tân Đinh tuế sương phụ chi nhân.